

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỰ HUYỀN PHÂN TẾ THÔNG TRÍ PHƯƠNG QUỶ

QUYỂN 5 (Phần 2)

Từ đây về sau có mười Tri thức. Đây là vị thứ nhất, Bồ-tát ở Hoan Hỷ địa, vị trời tên gọi Bà-sa-bà-đà, tiến vào pháp môn Quang Minh Phổ Chiếu Chư Pháp Hoại Tán Chúng Sinh Ngu Si, có ba: Một là phân rõ về khuyến khích chỉ dạy; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Nhĩ thời Dạ Thiên cáo...” trở xuống là trình bày tiến vào pháp giới.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba nghĩa giống như trước.

Thành Ca-tỳ-la thuộc nước Xá-di, là nơi Đức Phật giáng sinh, biểu thị cho Sơ Địa sinh vào nhà Như Lai. Sở dĩ từ đây về sau đều là Dạ Thiên, bởi vì muốn làm sáng tỏ từ đây về sau đạt được lý tự tại, ánh sáng rực rỡ soi chiếu đêm dài làm mất đi bóng tối sâu dày. Nghĩa còn lại trước đây đã trình bày.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có bảy: Một, già từ hướng đến. Hai, nghĩ đến pháp môn trước đây. Ba, đến nơi. Bốn, từ “Tùng Đông môn...” trở xuống là từ từ hướng về tìm kiếm, có hai có thể biết. Năm, từ “Kiến bỉ...” trở xuống là thấy tướng có hai, một là nhìn thấy, hai là quán xét về đức. Sáu, từ “Kiến văn thử dĩ...” trở xuống là trình bày về vui mừng lễ lạy. Bảy, tự nói về phát tâm và thưa hỏi, phần này có ba câu có thể biết. Cửa phía Đông (Đông môn) là bắt đầu của sự sáng suốt.

Trong phần ba từ “Cáo ngôn...” trở xuống là chính thức tiến vào, toàn văn có ba: Một là ca ngợi phát tâm thuận theo Tri thức chỉ dạy; hai từ “Ngã dĩ thành...” trở xuống là nói về pháp môn của Tự phần; ba từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Trong Tự phần có bốn: a) Phân rõ về Thể của tên gọi pháp môn. b) Từ “Ngã ư thiện ác...” trở xuống là phân rõ về Dụng. c) Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là trình bày về nhân duyên đạt được pháp. d) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của mình.

Trong phần b là Dụng, có ba: b1) Đối với chúng sinh dấy khởi phương tiện Từ Bi; b2) Từ “Ngã thường như thị...” trở xuống là dựa vào phương tiện trước đây hướng về duyên hóa độ; b3) Nói kệ khuyến khích tu tập.

Trong phần b2 là hướng về duyên hóa độ, có mười bảy văn: 1) Tổng quát về cứu giúp; 2) Cứu nạn trên biển; 3) Cứu nạn trên đất liền; 4) Làm nơi nương tựa; 5) Cứu nạn trên núi; 6) Cứu nạn giữa đồng vắng hoang vu; 7) Cứu nạn khốn khổ; 8) Cứu theo quốc độ; 9) Cứu theo năm Ấm; 10) Cứu theo thôn xóm; 11) Cứu theo sáu Nhập; 12) Cứu giúp mê hoặc; 13) Cứu giúp nghiệp ác; 14) Cứu giúp ách nạn; 15) Cứu giúp các khổ như ba Chướng; 16) Cứu giúp ba nghiệp tà; 17) Hạnh Phổ Hiền thâm nhiếp.

Trong phần b3 là nói kệ, có hai: Đầu là trường hàng sinh khởi phần sau, tiếp là kệ tụng. Kệ có hai mươi một kệ: Một kệ đầu tụng về pháp môn trước đây, bốn kệ tiếp tụng về ban đầu tiến vào Địa thực hành bốn Vô lượng khuyến khích khiến cho đến cuối cùng, mười ba kệ tiếp tụng về Dụng thù thắng của sáu Nhập khuyến khích tu tập đến cuối cùng, ba kệ tiếp tụng tổng quát ca ngợi về Dụng thù thắng của pháp môn đã đạt được.

Trong mười ba kệ trước: Pháp thân... là kệ về Túc mạng thông, ngã tâm... là hai kệ về Tha tâm thông, ngã dĩ thân... là hai kệ về Thân thông, thanh tịnh quảng trí là một kệ về Lưu tận thông.

Trong phần c là nhân duyên đạt được pháp, đầu là hỏi, tiếp là đáp. Trong phần hỏi, một là hỏi về thời kiếp phát tâm, hai là hỏi về thời gian đạt được pháp môn. Đáp về hai câu hỏi trên đều có kết luận quy về, hai văn có thể biết.

Trong phần ba là tôn sùng ngưỡng mộ: a) Mở rộng; b) Kết luận.

Tri thức thứ hai là Dạ Thiên tên gọi Thâm Thâm Diệu Đức Ly Cấu Quang Minh, tức là phần vị Bồ-tát Địa thứ hai, tiến vào pháp môn Bồ-tát Tịch Diệt Định Lạc Tinh Tiến, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy; hai từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Đáp ngôn...” trở xuống là trình bày tiến vào.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba nghĩa giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có bảy: Một, mười kệ ca ngợi về đức của Tri thức trước đây, trong mười kệ: Sáu kệ đầu ca ngợi về đức của Báo thân, một kệ tiếp ca ngợi về nhân hạnh vốn có hiện ở trong thân, ba kệ tiếp ca ngợi về tác dụng lợi ích khó hết. Hai, già từ hướng về. Ba, nghĩ đến, trong nghĩ đến có hai có thể biết. Bốn, dẫn đến nơi. Năm, đến nơi. Sáu, lễ lạy cung kính. Bảy, tự nói về phát tâm và thưa hỏi.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, toàn văn có ba: Một là ca ngợi phát tâm; hai từ “Bồ-tát thành tựu thập pháp...” trở xuống là trình bày về pháp môn của Tự phân; ba từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ.

Trong Tự phân có ba: a) Phân rõ về Thể tướng của pháp môn, có hai: Một là phân rõ về Thể tướng, văn này có bốn có thể biết, ngay phần này trong mục thứ ba là mười môn, bốn môn đầu là Tự lợi, sáu môn tiếp là Lợi tha; hai từ “Ngã dĩ...” trở xuống là kết luận về tên gọi. b) Từ “Tất kiến...” trở xuống là trình bày về Đại Dụng, văn này có bốn: Một là tổng quát phân rõ về tướng của Dụng; hai “Diệc bất trước...” trở xuống là đối với Dụng thành tựu về Thể của hạnh có bốn, đó là thiết lập-vận hỏi-trả lời-kết luận, trả lời có thể biết; ba từ “Phân biệt liễu tri...” trở xuống là trình bày về hai Dụng song hành; bốn từ “Ngã như thị thường...” trở xuống là mở rộng phân rõ về tướng của Dụng, tướng còn lại có thể biết. c) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của mình.

Trong phần ba là tôn sùng ngưỡng mộ: a) Riêng biệt giải thích; b) Tổng quát kết luận.

Tri thức thứ ba là Dạ Thiên tên gọi Hỷ Mục, tức là phần vị Bồ-tát Địa thứ ba, tiến vào pháp môn Ly Cấu Hỷ Tràng, có ba: Một là trình bày về khuyến khích chỉ dạy; hai từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Kiến bỉ Dạ Thiên...” trở xuống là chính thức tiến vào.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có bốn: Một là nêu rõ nơi chốn, hai là nêu rõ về người ấy, ba là chỉ dạy đến nơi thưa hỏi, bốn từ “Nhĩ thời thậm thâm...” trở xuống là dùng kệ tụng khuyến khích đi đến. Trong kệ: Mười hai kệ đầu là tổng quát tụng về mười pháp trước đây, một kệ tiếp là chỉ dạy khuyến khích Thiện Tài đi đến Tri thức sau. Trong mười hai kệ trước: Hai kệ đầu tụng về bốn pháp trước, mười kệ tiếp tụng về sáu pháp sau.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có bốn: Một, già từ

hướng về. Hai, nghĩ đến tác dụng trong pháp môn của người trước đây mà thôi. Ba, lúc ấy Dạ Thiên Hỷ Mục gia hộ Thiện Tài khiến cho hướng về để ca ngợi Tri thức, có hai: Một là ca ngợi, hai là đạt được pháp môn, văn phần một có hai có thể biết. Bốn, từ “Thiện Tài vãng...” trở xuống là chính thức hướng về.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có hai: Một là nói về pháp môn của Tự phần; hai từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ.

Trong Tự phần có bốn: a- Trình bày về Thể của pháp môn. b- Từ “Nhất thiết mao khổng...” trở xuống là phân rõ về Đại Dụng của pháp môn. c- Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là nhân duyên đạt được pháp. d- Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về tên gọi của Tự phần.

Trong phần b là Đại Dụng có hai: b1) Hiện bày về đức; b2) Từ “Nhĩ thời Thiện Tài giai đắc kiến văn...” trở xuống là được lợi ích. Văn phần b1 có ba: Một, phân rõ hiện bày về hành đức của mười Độ có hai, đầu là tóm lược giải thích, tiếp là kết luận tương tự mở rộng có thể biết; hai, từ “Hỷ Mục...” trở xuống là trình bày về hành đức của đời quá khứ có ba, đó là tổng quát-giải thích-kết luận; ba, từ “Thân vân...” trở xuống là hiện thân thân nhiếp lợi ích. Văn này có bốn: 1) Hiện thân có ba, đó là tổng quát-giải thích-kết luận; 2) Từ “Vị nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là phân rõ về đức đã hiện bày; 3) Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là phân rõ về âm thanh-ngôn giáo chủ động giải thích (năng thuyết); 4) Từ “Bỉ nhất nhất thân vân thuyết thị pháp thời...” trở xuống là phân rõ về nói pháp được lợi ích mà thôi, cũng tức là thứ nhất thân nghiệp, thứ hai ý nghiệp, thứ ba khẩu nghiệp.

Trong phần một là Thân vân thuộc mười Độ, mỗi một loại đều có bốn nghĩa: 1) Nơi nương tựa; 2) Thân; 3) Việc đã làm; 4) Lợi ích, có thể biết.

Trong phần hai là hành của đời quá khứ, Phương tiện Ba-la-mật có năm câu: 1) Thể của hành; 2) Khéo léo tùy theo nơi chốn hiện bày Y-Chánh; 3) Nhận biết về tác dụng; 4) Tự tại vô ngại; 5) Phương tiện dựa vào sự việc.

Nguyện có năm câu, dựa theo Phương tiện có thể biết. Lực có bốn câu: 1) Thể của hành; 2) Thành tựu về đức của các pháp nhân duyên; 3) Thành tựu nhiều pháp khéo léo; 4) Dựa vào sự việc.

Trong Trí có ba mươi câu: 1) Thể; 2) Hiện hiện về tướng, tức là thiết lập giáo nghĩa; 3) Dựa vào Trí; 4) Tướng của Trí biện tài; 5) Phạm vi; 6) Chủng loại thân nhiếp lẫn nhau; 7) Công năng thù thắng của Trí;

8) Dựa vào sự việc; 9) Sai biệt; 10) Đến tận cùng nguồn gốc; 11) Chấp thủ tùy theo tác dụng; 12) Không trái với quy phạm thích hợp; 13) Trí làm nhân; 14) Dựa vào quốc độ; 15) Biết thời gian của Y báo; 16) Biết thời gian của Chánh báo; 17) Hiện bày rõ ràng người ở quả vị; 18) Biết về Trí của người ở quả vị; 19) Biết về người ở nhân vị; 20) Biết về Trí của người ở nhân vị; 21) Trí biết về phần vị của người ở nhân vị; 22) Công đức của người ở nhân vị; 23) Chuyển đổi người ở nhân vị; 24) Có năng lực giúp cho hạnh nguyện; 25) Trao truyền phạm vi của hành; 26) Biết về phạm vi của nói năng; 27) Pháp Nhân-đà-la; 28) Đồng pháp; 29) Biết pháp hợp với đạo; 30) Biết nơi hướng đến.

Trong phần b2 là Thiện Tài được lợi ích, vẫn có hai: Một, được lợi ích; hai, kệ ca ngợi. Văn phần một có bốn, có thể biết. Ngay trong mười kệ: Bảy kệ đầu ca ngợi về công dụng hóa độ thuộc thân nghiệp của Tri thức, một kệ tiếp ca ngợi về công dụng hóa độ thuộc ý nghiệp, một kệ tiếp ca ngợi về công dụng hóa độ thuộc khẩu nghiệp, một kệ cuối tổng quát ca ngợi về công dụng hóa độ rộng lớn.

Trong phần c là nhân duyên đạt được pháp, có ba: c1) Kết thúc phần trước phát khởi hỏi về phần sau; c2) Dạ Thiên dùng tám mươi chín kệ rưỡi để đáp; c3) Kết luận quy về xưa nay. Trong phần đáp: Hai mươi lăm kệ đầu là đáp về phát tâm lâu mau, tiếp từ “Tùng thị hậu...” trở xuống là sáu mươi bốn kệ rưỡi đáp về nhân duyên đạt được pháp.

Trong phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ: a) Riêng biệt giải thích; b) Kết luận.

Tri thức thứ tư là Dạ Thiên tên gọi Diệu Đức Cứu Hộ Chúng Sinh, tức là phần vị Bồ-tát Địa thứ tư, tiến vào pháp môn Giáo Hóa Chúng Sinh Bồ-tát, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy; hai từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Nhĩ thời Dạ Thiên...” trở xuống là chính thức tiến vào.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba nghĩa giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có ba: Một, già từ hưởng về. Hai, nghĩ đến pháp môn trước đây. Ba, hưởng về trông thấy. Lược bớt không có lễ lạy thưa hỏi mà thôi.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có hai: Một là nói về pháp môn của Tự phần; hai từ “Chư Đại Bồ-tát...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ.

Một là trong Tự phần có bốn: a) Dạ Thiên vì hiện bày pháp môn khiến cho Thiện Tài đạt được Thể của pháp thuộc Tự phần. b) Từ “Tức

đắc thử Tam-muội...” trở xuống là trình bày về Lực Dụng của Tam-muội. c) Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là trình bày về nhân duyên đạt được pháp. d) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của Tự phần.

Trong phần a có bốn: a1) Phân rõ về pháp môn của Bồ-tát dựa vào; a2) Hiện bày ánh sáng nơi thân; a3) Phân rõ về nơi hướng đến; a4) Đạt được lợi ích.

Trong phần b là Lực Dụng của Tam-muội có ba: b1) Trình bày về tự tại ở giữa chúng sinh đã giáo hóa, trong phần này có bốn: 1- Nương tựa, 2- Nơi chốn; 3- Nhận biết; 4- Lợi ích. Trong văn này có bốn: Một là sáu đường, hai là bốn sinh loại, ba là dựa theo tướng, bốn từ “Mãn túc Đại nguyện...” trở xuống là giải thích về ý giáo hóa thành tựu. b2) Từ “Thiện Tài kiến bỉ...” trở xuống là Thiện Tài được lợi ích khởi tâm cung kính. b3) Từ “Tức xả tướng hảo...” trở xuống là giáo hóa đến hơi thở cuối cùng, vì vậy làm xúc động đến tâm tư khiến cho Thiện Tài nói kệ ca ngợi.

Trường hàng và kệ là hai. Văn kệ này có hai mươi kệ rưỡi, có ba: Một, mười kệ rưỡi đầu tóm lược ca ngợi về tác dụng giáo hóa tự tại của Dạ Thiên; hai, từ “Hỷ Mục...” trở xuống là ba kệ ca ngợi về nguyên nhân được thấy; ba, bảy kệ còn lại mở rộng ca ngợi Dạ Thiên giáo hóa các chúng sinh thành tựu hạnh thù thắng ấy.

Trong phần c là nhân duyên đạt được pháp, có hai: c1) Thiện Tài tóm lược ca ngợi về pháp môn, tức là đưa ra ba câu hỏi; c2) Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là Thiên thần mở rộng trả lời. Trong trả lời: Một là ca ngợi về pháp sâu xa, hai từ “Đế thính...” trở xuống là chính thức trả lời về nhân duyên đạt được pháp và thời kiếp xa gần. Trả lời về tên gọi ở trong phần bốn là kết luận.

Văn phần một có ba: Một, tổng quát ca ngợi; hai, từ “Nhất thiết nhân thiên...” trở xuống là không phải cảnh giới của tâm nhỏ bé; ba, từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu có hai, có thể biết.

Phần hai là chính thức trả lời, có hai: Một, trường hàng; hai, kệ tụng. Trường hàng có hai: Một là khuyên nhủ Đại chúng lắng nghe, hai là phân rõ. Trong phân rõ có hai: Một, gặp một Đức Phật được nghe Chánh pháp; hai, từ “Kỳ hậu kiếp dĩ...” trở xuống có năm trăm Đức Phật xuất thế, làm ra đủ loại hình thể mà đến cúng dường. Văn này có hai: Đầu là giải thích, tiếp là kết luận về lợi ích.

Văn phần một gặp một Đức Phật, có tám: 1) Trong thời kiếp Đức Phật xuất thế; 2) Từ “Thời bỉ thành...” trở xuống là trình bày về vị vua

sở thuộc; 3) Từ “Bỉ hữu nữ...” trở xuống là trình bày về thân vốn có tu hành; 4) Từ “Thời bỉ thành Bắc...” trở xuống là trình bày về Đức Phật thi thiết giáo hóa; 5) Từ “Thời nữ tức giải...” trở xuống là trình bày về duyên ban đầu tiếp nhận giáo hóa được lợi ích; 6) Từ “Nhĩ thời Diệu Đức...” cho đến “Ưu đại chúng trung...” trở xuống là chính thức trình bày về đạt được lợi ích, phần này có bốn: Một là Đức Phật thuyết kinh, hai là người nữ đạt được Định, ba là đạt được tâm thù thắng, bốn là đạt được pháp môn thù thắng; 7) Từ “Phục ư thị tiền...” trở xuống là chuyển sang giải thích về duyên khởi xưa kia; 8) Từ “Nhĩ thời Minh Tịnh Diệu Vương đẳng...” trở xuống là kết luận quy về xưa nay, có bốn câu có thể biết.

Trong văn phần bốn là thi thiết giáo hóa, có hai: Một là trình bày về Đức Phật thuyết pháp giáo hóa khắp nơi; hai từ “Nhĩ thời Phổ Hiền Bồ-tát...” trở xuống là riêng vì đương cơ.

Trong văn phần một có bốn mục: Một, phân rõ về cây Bồ-đề trang nghiêm; hai, lúc đầu Đức Phật thành đạo phát ra mười hai loại ánh sáng nuôi dưỡng căn khí của chúng sinh, tức là mười hai Trú; ba, từ “Mãn thất nhật...” trở xuống là nhận biết đến lúc tiếp nhận đạo pháp mặt đất chấn động phát ra âm thanh, và tùy theo căn khí thích hợp để chuyển pháp luân, tức là làm thành ba; bốn, từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu.

Trong chuyển pháp luân có hai mươi câu: 1) Hai lợi ích cho ngoại phàm phu...; 2) Một lợi ích cho Tiểu thừa; 3) Mười lợi ích cho mười Tín; 4) Từ “Lập vô lượng...” trở xuống là lợi ích cho mười Giải; 5) Từ “Lập vô lượng trú Bồ-tát...” trở xuống là lợi ích cho mười Hạnh; 6) Từ “Vô lượng thanh tịnh...” trở xuống là lợi ích cho mười Hồi Hưởng khiến Hồi Hưởng tiến vào Địa thứ nhất; 7) Cho đến Địa thứ chín tiến vào Địa thứ mười; 8) Từ “Lập vô lượng chúng sinh dĩ...” trở xuống là khiến cho người ở Địa thứ mười tiến vào phần an trú đến nơi cuối cùng; 9) Thành tựu phần vị của hạnh Phổ Hiền.

Văn phần hai là đương cơ, có ba: Một, Phổ Hiền quán sát căn cơ; hai, vua và mọi người nhận biết nói kệ chính thức bày tỏ; ba, chuẩn bị đồ vật cúng dường.

Trong mười kệ của Thánh Vương ca ngợi Đức Phật, có hai: Đầu là trường hàng, tiếp là kệ. Trong kệ: Một kệ đầu ca ngợi Đức Phật khuyến khích mọi người hướng đến, sáu kệ tiếp ca ngợi về khó gặp được, hai kệ tiếp chỉ ra ánh sáng khiến cho vui mừng, một kệ tiếp khuyến khích mọi người nhanh chóng đi đến.

Hai là trong trùng tụng của Dạ Thiên, có hai: Đầu là trường hàng sinh khởi, tiếp là kệ. Văn kệ có ba mươi tám kệ rưỡi, có bốn: Hai kệ đầu là khuyển nhủ lắng nghe nhận lời giảng nói; ba mươi ba kệ rưỡi tiếp là sơ lược trình bày về một trăm mười Đức Phật, tổng quát tụng về chư Phật như vi trần trước đây; hai kệ tiếp là dựa vào Đức Phật đạt được pháp môn; một kệ sau cuối là khuyến khích làm cho Thiện Tài thuận theo nhanh chóng tu tập đầy đủ.

Trong phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ: a- Giải thích; b- Kết luận.

Tri thức thứ năm là Dạ Thiên tên gọi Tịch Tĩnh Âm, tức là phần vị Bồ-tát Địa thứ năm, tiến vào pháp môn Vô Lượng Hoan Hỷ Trang Nghiêm, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy; hai từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Dạ Thiên cáo...” trở xuống là chính thức tiến vào pháp giới.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, chỉ có bốn: Một, già từ rút lui. Hai, hưởng về. Ba, lễ lạy. Bốn, đưa ra hành của Địa mà thưa hỏi.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có ba: Một là ca ngợi về phát tâm, hai từ “Ngã thành tựu dĩ...” trở xuống là nói về pháp môn của Tự phần; ba từ “Chư Đại Bồ-tát...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Trong Tự phần có bốn: a) Phân rõ Thể của pháp môn. b) Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là trình bày về đức dụng của pháp môn. c) Từ “Bạch ngôn Thiên thân...” trở xuống là nhân duyên đạt được pháp. d) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của Tự phần.

Trong đức dụng: Đầu là hỏi, tiếp là đáp. Hỏi có bốn câu: Một là hỏi về đức dụng của nhiếp hóa, hai là hỏi về phạm vi sai biệt thuộc Thể tướng-cảnh giới của pháp môn, ba là hỏi về hành phương tiện tu tập, bốn là Chánh hạnh. Trong đáp cũng có bốn, có thể biết.

Văn đáp thứ nhất, có ba: Một là trình bày về quán sát tu tập, hai từ “Ngã vi...” trở xuống là chính thức trình bày về nhiếp hóa, ba từ “Thiện nam tử...” trở xuống là tổng quát kết luận. Văn phần một có chín tâm có thể biết. Trong phần hai là chính thức nhiếp hóa, có năm: Một, tổng quát vì chúng sinh đau khổ khiến cho lìa xa đau khổ; hai, từ “Nhược kiến tại gia...” trở xuống là dùng môn mười Độ... để giáo hóa; ba, từ “Vô sắc giới...” trở xuống là giáo hóa người vương vào Chánh báo; bốn, từ “Vị viên quán...” trở xuống là giáo hóa người vương vào Y báo; năm, từ “Vị tham dục...” trở xuống là dùng môn năm Độ để thâm nhiếp

tu hạnh thù thắng. Trong phần ba là kết luận: Câu đầu kết luận về câu thứ nhất tổng quát bày tỏ trước đây, câu tiếp kết luận về vương vào Y báo-Chánh báo trước đây, một câu tiếp kết luận về các môn như mười Độ... Nhưng cũng có thể chỉ có ba ý mà kết luận chung về văn trên đây. Văn có hai, đầu là tổng quát, tiếp là riêng biệt.

Văn đáp thứ hai về cảnh giới trên đây, có bốn: Một là phân rõ về nhân hạnh của cảnh đã quán, hai từ “Hựu thiện nam tử...” trở xuống là trình bày về quả đức của cảnh đã quán, ba từ “Khởi phi...” trở xuống là phai mở tướng tiến vào thật có ba có thể biết, bốn từ “Phật tử thử Bồ-tát...” trở xuống là kết luận.

Văn đáp thứ ba về phương tiện tu tập trên đây, có ba: Một là tổng quát, hai là riêng biệt, ba là kết luận có thể biết. Trong riêng biệt có ba mươi một câu có thể biết.

Văn đáp thứ tư về Chánh hạnh, có hai: Một là hỏi, hai là đáp. Trong đáp có năm, có thể biết.

Trong phần ba trình bày về phát tâm xa gần: Đầu là hỏi, sau là đáp. Trong đáp: Đầu là trường hàng, tiếp là kệ tụng. Trong trường hàng có sáu: 1) Đức Phật đạt được pháp; 2) Từ “Bỉ đạo tràng thượng...” trở xuống là nhờ vào pháp lực cho nên thường được thấy chư Phật; 3) Từ “Kinh Phật sát...” trở xuống là lại nhờ vào pháp lực cho nên thấy được bốn vị Phật của kiếp Hiền; 4) Từ “Dĩ thử pháp giới...” trở xuống là trở lại đạt được vô lượng pháp môn; 5) Từ “Nhữ sở vấn ngã...” trở xuống là kết luận quy về rộng lớn chân thật không có tướng tăng giảm; 6) Từ “Thị cố...” trở xuống là khuyến khích tu hành.

Trong phần kệ tụng, có hai: Một là trường hàng sinh khởi, hai là chánh thức kệ tụng. Tụng có mười kệ phân làm ba: Một kệ đầu là nhắc nhở lắng nghe khuyến khích tu tập, bốn kệ tiếp là tụng về nhân duyên đã đạt được pháp môn trước đây, năm kệ còn lại tụng về nghĩa thực hành thành tựu lợi ích chúng sinh trước đây.

Trong phần ba là tôn sùng ngưỡng mộ: a- Riêng biệt; b- Kết luận.

Tri thức thứ sáu là Dạ Thiên tên gọi Diệu Đức Thủ Hộ Chư Thành, tức là phần vị Bồ-tát Địa thứ sáu, tiến vào pháp môn Thâm Thâm Diệu Đức Tự Tại Âm Thanh, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy tiến vào; hai từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Dạ Thiên cáo...” trở xuống là chính thức tiến vào pháp giới.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có bảy: Một, Thiện Tài sắp già từ, trước tiên dùng kệ ca ngợi về báo ân, trong mười kệ có hai:

Đầu là sinh khởi, sau là kệ tụng. Trong tụng: Ba kệ đầu ca ngợi nhờ vào giáo cho nên lia các chấp thủ được thấy Pháp thân, hai kệ tiếp ca ngợi Bồ-tát lia ba chương cho nên được giải thoát tự tại, ba kệ tiếp ca ngợi Bồ-tát thâm nhiếp lợi ích, hai kệ sau cùng khiến cho chúng lúc ấy lia xa chấp thủ. Hai, chính thức lễ lạy già từ. Ba, nghĩ đến pháp môn trước đây. Bốn, hướng đến. Năm, thấy tướng thù thắng. Sáu, cung kính lễ lạy. Bảy, thưa hỏi.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có ba: Một là khen ngợi người phát tâm có thể hỏi, hai từ “Ngã dĩ...” trở xuống là nói về pháp đã đạt được của Tự phần; ba từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Trong Tự phần có bốn: a) Phân rõ Thể của pháp môn. b) Từ “Thị cố Phật tử ngã vị...” trở xuống là trình bày về Dụng của pháp môn. c) Từ “Bạch ngôn Dạ Thiên...” trở xuống là nhân duyên đạt được pháp xa gần. d) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của Tự phần.

Trong phần b là Dụng của pháp môn, có bốn: b1) Hai mươi ba câu trình bày về phương tiện nhiếp hóa quán sát tu tập, có ba: Một là một câu thiết lập, hai từ “Ưu nhất thiết pháp...” trở xuống là giải thích, ba từ “Phật tử ngã đẳng...” trở xuống là kết luận. Văn phần hai có bốn: 1- Dựa vào pháp; 2- Dựa vào thế giới; 3- Từ “Đẳng tâm...” trở xuống là dựa vào chúng sinh; 4- Từ “Phật tử ngã thường...” trở xuống là thành tựu đức dụng của tâm. b2) Từ “Phục thứ Phật tử...” trở xuống là dùng mười loại hành quán sát về pháp giới, hành thành tựu hợp với pháp, có bốn có thể biết. b3) Từ “Ngã như thị niệm...” trở xuống là hai mươi ba câu chính thức trình bày về nhiếp hóa đối với duyên Lợi tha. b4) Từ “Ngã dĩ thành tựu...” trở xuống là kết luận.

Ngay văn phần b3 là đối với duyên Lợi tha, có hai: Một là phân rõ về phương tiện Lợi tha, hai từ “Ngã thâm nhập...” trở xuống là kết luận về Dụng rộng lớn. Văn phần một có hai: 1- Phân rõ về đức của người chủ động duy trì, có ba văn là đưa ra số-giải thích và kết luận; 2- Trình bày về pháp đã thâm nhiếp duy trì, văn này có hai, đầu là giải thích, sau là kết luận mà thôi.

Trong phần c là nhân duyên đạt được pháp xa gần, đầu là hỏi, sau là đáp. Trong đáp có bốn: Một là nói về nhân duyên đạt được pháp của đời trước; hai từ “Phật tử...” trở xuống là quy về xưa nay; ba từ “Phật tử thứ hữu...” trở xuống là lại được gặp vô lượng Đức Phật đạt được các pháp môn; bốn từ “Phục thứ Phật tử...” trở xuống là lại tiếp tục được

gặp vô lượng Đức Phật đạt được lợi ích thù thắng.

Trong phần ba là tôn sùng ngưỡng mộ, có hai: a) Sơ lược mở rộng; b) Nói rõ về mình không yên phận, có thể biết.

Tri thức thứ bảy là Dạ Thiên tên gọi Khai Phu Thọ Hoa, tức là phần vị Bồ-tát Địa thứ bảy, tiến vào pháp môn Vô Lượng Hoan Hỷ Trí Túc Quang Minh. Trong văn có ba nghĩa giống như trước: Một là khuyến khích chỉ dạy; hai là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba là chính thức tiến vào pháp giới.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có bốn: Một, nêu rõ nơi chốn; hai, tên gọi của người; ba, chỉ dạy thưa hỏi; bốn, kệ tụng tụng.

Trong phần tụng tụng của Dạ Thiên, có ba: Một là trường hàng sinh khởi phần sau, hai là kệ tụng, ba là kết luận. Văn thứ hai là kệ tụng có mười bốn kệ: Hai kệ đầu ca ngợi về pháp môn sâu xa vi diệu, mười kệ rưỡi tiếp tụng về trong kiếp được gặp Đức Phật đạt được pháp môn, một kệ rưỡi sau cùng tụng về sau này được gặp Đức Phật xuất thế đạt được lợi ích càng thù thắng.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có tám: Một, Thiện Tài đạt được pháp tiến sâu vào Đại Dụng. Hai, kệ ca ngợi về hạnh của báo ân, trong mười bốn kệ của Thiện Tài: Ba kệ đầu ca ngợi về chứng đức của Tự lợi, ba kệ tiếp ca ngợi về Lợi tha, tám kệ sau trình bày chung về hai công dụng của Tự-tha. Ba, lễ lạy giã từ. Bốn, trở lại tu pháp môn trước đây. Năm, hướng đến. Sáu, thấy tướng. Bảy, lễ lạy. Tám, thưa hỏi.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có hai: Một là trình bày về pháp môn của Tự phần; hai từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Trong Tự phần có năm: a) Tổng quát trình bày về đức dụng của pháp môn, có ba: Một là khiến cho đạt được niềm vui thế gian, hai là khiến cho đạt được hành lìa khổ xuất thế gian, ba là khiến cho thành tựu về hành của pháp thiện. b) Từ “Ngã dĩ thành...” trở xuống là chính thức trình bày về Thể tên gọi của pháp môn. c) Từ “Thiện Tài bạch ngôn...” trở xuống là trình bày về Đại Dụng của pháp môn. d) Từ “Bạch ngôn Thiên thân...” trở xuống là trình bày về nhân duyên phát tâm đạt được pháp xa gần. e) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận.

Trong phần c là Đại Dụng, có ba: c1) Hỏi; c2) Đáp; c3) Kết luận. Trong đáp có năm: 1- Phân rõ về tướng; 2- Suy ra công đức thuộc về Phật; 3- Tìm nhân trước kia; 4- Y theo khởi hạnh thù thắng; 5- Nêu ra Đức Phật làm chứng, có thể biết.

Trong phần d là phát tâm xa gần, có hai: d1) Hỏi; d2) Đáp. Trong đáp có hai: 1- Trình bày về sâu xa khó biết; 2- Từ “Phật tử nãi vãng...” trở xuống là chính thức đáp. Hai phần này đều có kệ và trường hàng.

Trường hàng phần một có năm vắn, có thể biết.

Kệ phần một có hai: Một, trường hàng sinh khởi; hai, chính thức tụng. Tụng có hai mươi một kệ rưỡi, có năm: Một kệ đầu ca ngợi pháp môn sâu xa thù thắng; bốn kệ tiếp tụng về không phải là sự nhận biết của hàng phàm phu Tiểu thừa trên đây; mười bốn kệ rưỡi tiếp tụng về chỉ có Đại tâm của Bồ-tát mới có thể nhận biết, tức là tụng chung về nghiệp hạnh trên đây; một kệ tiếp khuyến khích Thiện Tài chịu khó tu tập; một kệ sau là suy ra công đức do Phật, đồng ý giảng giải sinh khởi phần sau.

Trường hàng phần hai chính thức trình bày về nhân hạnh xưa kia, có hai: Một, trường hàng; hai, kệ tụng.

Phần trường hàng có sáu: Một là trình bày về nhân duyên trong đời Phật quá khứ; hai từ “Phật tử bỉ thế...” trở xuống là trình bày về nhân duyên phát khởi giáo hóa ở đời trước, có bốn có thể biết; ba từ “Thời bỉ hội trung...” trở xuống là ca ngợi về đức giáo hóa của vua, có hai có thể biết; bốn từ “Thời bỉ nữ nhân...” trở xuống là nói kệ hiển bày về Đại Hạnh của vua thành tựu; năm từ “Vương tán nữ ngôn...” trở xuống là ca ngợi người nữ và quyến thuộc thành tựu đức về phước trí; sáu từ “Thiện nam tử...” trở xuống là kết luận quy về xưa nay.

Trong phần bốn là người nữ nói kệ ca ngợi về đức của vua, có năm mươi hai kệ, có ba: Một, sinh khởi; hai, kệ ca ngợi; ba, hiển bày nghi thức cung kính.

Phần hai là kệ có hai: Một là hai mươi lăm kệ đầu ca ngợi về đức giáo hóa của vua, hai từ “Vương phụ danh Tịnh Quang...” trở xuống là hai mươi bảy kệ ca ngợi về quyến thuộc thù thắng của vua.

Văn phần một có ba: Sáu kệ đầu trình về lúc vua chưa sinh có đủ các điều ác, mười hai kệ tiếp ca ngợi lúc vua xuất thế khắp nơi yên vui đoạn ác tu thiện, bảy kệ sau ca ngợi vua thuyết pháp làm lợi ích chúng sinh.

Trong phần hai là ca ngợi quyến thuộc có bốn: Ba kệ đầu nêu ra cha mẹ của vua dùng Chánh pháp sửa trị thế gian, chín kệ tiếp ca ngợi lúc vua xuất thế khắp nơi yên vui, ba kệ tiếp ca ngợi vua dạo khắp ao hồ vườn cây nhà cửa, mười hai kệ tiếp là giữa hồ sen xuất hiện Đồng tử quy y cho thế gian.

Trong trùng tụng phần hai là mười kệ, có ba: Năm kệ đầu dùng

năm Thông tự tại nhận biết sự việc xuất thế của chư Phật, bốn kệ tiếp dùng Lưu tận trí thông nhận biết về pháp xuất thế, một kệ sau cùng là khuyến khích tu tập

Phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ, văn có hai có thể biết.

Tri thức thứ tám là Dạ Thiên tên gọi Nguyễn Dũng Quang Minh, tức là phần vị Bồ-tát Địa thứ tám, tiến vào pháp môn Tùy Ứng Hóa Giác Ngộ Chúng Sinh Trưởng Dưỡng Thiện Căn. Trong văn có ba nghĩa giống như trước: Một là khuyến khích chỉ dạy; hai là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba là chính thức tiến vào pháp giới.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba câu có thể biết.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có bốn: Một, già từ rút lui. Hai, đi đến. Ba, thấy tướng, do đó văn sau nói hướng về nơi hiển hiện, tức là chỉ ra tướng này. Bốn, cung kính lễ lạy.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có hai: Một là nói về pháp môn của Tự phần; hai từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ mà thôi.

Trong Tự phần có bốn:

a) Từ “Đắc thập chủng tâm...” trở xuống là đối với Tri thức thì mười loại tâm... tức là Thể của pháp, cũng có thể mười loại tâm thuộc về văn thứ năm của phần thứ hai là theo sự chỉ dạy tiến vào trước đây, tức là đương cơ thưa hỏi, chỉ vì hiển bày về Địa thứ tám vốn là Vô tướng cho nên không nói đến thưa thỉnh, cùng pháp về sau mới là Thể của pháp môn, thích hợp có thể suy nghĩ thâm nhiếp mà thôi.

b) Từ “Thiên đản hữu kiên...” trở xuống là nói kệ ca ngợi.

c) Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là thưa hỏi về tên gọi của pháp môn và nhân duyên thành đạo xa gần.

d) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận.

Văn phần a có hai: a1) Đạt được mười tâm; a2) Đạt được pháp thích ứng với Bồ-tát. Mười pháp có ba: Nêu ra-giải thích và kết luận. Số tuy có mười nhưng nêu ra chỉ có tám câu, câu riêng biệt thì trước là nêu ra-tiếp là giải thích có thể biết. Trong phần hai là pháp giống nhau, tổng quát có bốn: Một là tổng quát, hai từ “Sở vị...” trở xuống riêng biệt có một trăm câu, ba từ “Đắc như thị...” trở xuống là kết luận, bốn là phân rõ về lợi ích. Giống nhau (cộng) có ba nghĩa: Một là thầy và đệ tử giống nhau, hai là trong phần vị nhiếp pháp giống nhau, ba là duyên với pháp giống nhau nơi khác cho nên có thể thực hành giống nhau.

Trên đây là Thiện Tài đi khắp nơi đến Địa này bởi vì không có công dụng, cho nên mở rộng phân rõ về đạt được lợi ích.

Văn phần b là kệ có hai: b1) Trường hàng trình bày về ý nói kệ; b2) Chính thức ca ngợi. Trong kệ có mười kệ: Một kệ đầu là đối với Tri thức khởi lên thấu nhiếp tâm mình, sáu kệ tiếp trình bày về nhờ Tri thức đạt được pháp thừa thỉnh nói rộng ra cho nghe, ba kệ sau cùng là nghĩ đến đức khó báo đền.

Trong phần c là phân rõ đáp về xa gần, văn có hai: c1) Hỏi, có ba câu hỏi có thể biết; c2) Đáp, văn đáp có ba: Một là đáp về tên gọi của pháp môn, hai từ “Ngã nhập thử...” trở xuống là trình bày về Đại Dụng của pháp, ba từ “Như nhữ sở vấn...” trở xuống là trình bày đáp về phát tâm xa gần. Lại cũng có thể phát tâm xa gần là đáp câu hỏi thứ hai; Đại Dụng là đáp câu hỏi thứ ba về thành Phật, tức là bởi vì nhân rộng lớn tùy theo căn cơ cao thấp, cho nên chưa nhất định làm Phật.

Trong đáp thứ hai về Đại Dụng, có năm: Một, tổng quát nói về tiến vào pháp môn này đạt được bình đẳng lìa xa nhiễm trước, tức là Lý trí; hai, loại bỏ tất cả các Sắc, Hậu trí hiểu rõ tánh của Sắc; ba, từ “Ư niệm niệm trung hiện như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về thần lực tự tại; bốn, từ “Hoặc kiến đẳng...” trở xuống là mở rộng hiển bày về hành tướng-phẩm loại...; năm, từ “Ngã trú thử...” trở xuống là kết luận ca ngợi về lợi ích rộng lớn của Phật sự.

Trong phần ba là đáp về phát tâm xa gần đạt được pháp trước đây: Đầu là nhắc lại câu hỏi, sau là đáp. Trong đáp có hai: Một câu đầu là tổng quát, tiếp theo là riêng biệt. trong riêng biệt có sáu:

1) Phân rõ về pháp sâu xa. Văn này có hai: Đầu là pháp có năm câu; sau dùng năm dụ theo thứ tự hợp lại, tức là tùy theo kết luận. Một là dụ về Trí môn viên mãn cứu cánh, hai là dụ về Trí thể vốn thanh tịnh không mê hoặc, ba là dụ về Trí môn lìa chướng lợi ích chúng sinh, bốn là dụ về Trí dụng tùy cơ khó hoại, năm là dụ về tự tại khắp nơi không tổn hại.

2) Từ “Bồ-tát trí...” trở xuống là dùng ngôn ngữ thế gian nói về thời gian xa gần, đầu là đồng ý, tiếp là giảng giải, hai văn có thể biết.

3) Kết luận quy về xưa nay.

4) Từ “Phật tử ngã ư nhĩ thời...” trở xuống là chuyển báo gặp được nhiều Đức Phật.

5) Từ “Thứ hữu kiếp danh Nhật Quang...” trở xuống là chuyển kiếp được thấy sáu mươi ức Đức Phật khuyến khích phát tâm tu hành, văn này có hai có thể biết.

6) Kệ tụng, văn này có hai: Một là trường hàng sinh khởi, hai là chính thức kệ tụng. Văn kệ có ba mươi sáu kệ, văn có sáu đoạn: Một kệ

đầu tụng về nương theo Phật lực nói đến pháp sâu xa trước đây; mười ba kệ tiếp tụng về văn Thái tử chịu thay ngục tù cứu giúp chúng sinh trong quá khứ...; năm kệ tiếp tụng về lúc đầu Đức Phật nghe pháp phát tâm xuất gia...; sáu kệ tiếp tụng về từ đó trở về sau được gặp chư Phật tu tập pháp môn...; tám kệ tiếp trình bày về Đại Dụng của pháp môn; ba kệ sau cùng ca ngợi pháp môn đầy đủ công đức thắng diệu khó nghĩ bàn. Văn còn lại có thể hiểu.

Tri thức thứ chín là vị Trời tên gọi Diệu Đức Viên Mãn, tức là phần vị Bồ-tát Địa thứ chín, tiến vào pháp môn Vô Lượng Cảnh Giới Thọ Sinh Tự Tại. Lưu-di-ni là nơi Thái tử giáng sinh. Trong văn có ba nghĩa giống như trước: Một là khuyến khích chỉ dạy; hai là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba là chính thức tiến vào pháp giới.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba nghĩa giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có bảy: Một, giả từ. Hai, nghĩ đến pháp môn trước đây tăng lên. Ba, từ từ đến nơi. Bốn, từ “Châu biến...” trở xuống là tìm kiếm. Năm, thấy tướng. Sáu, cung kính lễ lạy. Bảy, thưa hỏi.

Trong phần ba là chính thức tiến vào pháp giới, có hai: Một là nói về pháp môn của Tự phần; hai từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Trong Tự phần có bốn: a) Phân rõ về Thể của tên gọi pháp môn. b) Từ “Thiện Tài bạch ngôn Thiên thần...” trở xuống là trình bày về Đại Dụng của pháp môn. c) Từ “Thiện Tài bạch...” trở xuống là đạt được pháp xa gần. d) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của mình.

Văn phần a là Thể của tên gọi pháp môn, có hai: a1) Phân rõ về phương tiện; a2) Đưa ra Thể của tên gọi pháp hành. Văn phần a1 có ba: Một là trường hàng, hai là kệ tụng, ba là kết luận về lợi ích.

Trong trường hàng có ba: Một, nêu ra mười tên gọi ca ngợi đức; hai, từ “Hà đẳng...” trở xuống là ca ngợi riêng biệt giải thích; ba, từ “Trú thị...” trở xuống là kết luận, phần này có mười câu. Văn phần một có ba: Một là nêu ra mười số, hai là ca ngợi đức, ba từ “Hà đẳng vi thập...” trở xuống là nêu ra mười tên gọi, có hai có thể biết. Trong phần hai là riêng biệt giải thích, mười môn đều có ba: Một là nêu ra tên gọi, hai là giải thích, ba là kết luận.

Trùng tụng có mười kệ, theo thứ tự tụng về mười pháp thọ sinh trước đây, có thể biết.

Trong phần b là Đại Dụng của pháp môn, có ba: b1) Hỏi; b2) Đáp; b3) Từ “Ngã nhất niệm trung tất tri...” trở xuống là kết luận về nhận biết tự tại, phần này có hai có thể biết.

Trong phần b2 là đáp, có năm: Một, vị Trời đạt được pháp môn Cụ Túc Thọ Sinh sinh ở rừng này, có bốn câu. Hai, từ “Thời thử lâm...” trở xuống là hiện bày mười tướng lành: Một là lập Tông, hai là hỏi, ba là giải thích, bốn là kết luận, năm là trình bày về lợi ích ban đầu. Ba, từ “Phật tử Ma-da...” cho đến “Sinh Thái tử thời...” trở xuống là nhân hạnh của ánh sáng trí tuệ dùng tướng để hiển bày Thể, có ba câu có thể biết. Bốn, từ “Tất-lợi-xoa thọ...” trở xuống là Đại Dụng tự tại thấu nhiếp đức vô ngại, có ba câu. Năm, từ “Sinh Bồ-tát thời như không...” trở xuống là hiển bày về thanh tịnh vô nhiễm, vẫn có ba: Một là hiện thân làm lợi ích, hai là thuận theo pháp thành tựu tương tự, ba là thành tựu mà không tạo tác. Phần một có bốn dụ: Vô cùng trong sáng như mặt trời giữa hư không, lập tức hiện bày giữa chúng sinh ví như chớp điện, yêu thương trải khắp dần dần lợi ích như núi nổi mây, hình tượng hiện bày trừ hết mê lầm giống như ngọn đèn sáng trong ngôi nhà tăm tối.

Trong phần c là nhân duyên đạt được pháp: Đầu là hỏi, tiếp là đáp. Trong đáp: Đầu là trường hàng, tiếp là kệ tụng. Trong trường hàng có bốn: Một, thời kiếp Đức Phật thị hiện; hai, từ “Bỉ thế giới nãi chí Vương đô...” trở xuống là trình bày về nhân duyên thọ thân; ba, từ “Ư ý vân hà...” trở xuống là kết luận quy về xưa nay; bốn, từ “Ngã tòng thị lai...” trở xuống là phân rõ về tu hạnh rộng lớn.

Trong phần tụng có hai: Một là trường hàng sinh khởi, hai là kệ tụng. Văn kệ có ba mươi ba kệ rưỡi, có bốn: Một kệ đầu là nhắc nhở lắng nghe đồng ý giảng giải, tám kệ tiếp tụng về pháp môn đã đạt được ban đầu trước đây, hai mươi ba kệ rưỡi tiếp tụng về trải qua chư Phật tu tập khiến cho thêm rộng trên đây, một kệ sau cuối là kết luận về khó nghĩ bàn.

Phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ, có hai có thể biết.

Tri thức thứ mười là Cù-di, Trung Hoa gọi là Minh Nữ, tức là phần vị Bồ-tát Địa thứ mười. Thái tử có ba vị Phu nhân, vị này là Phu nhân thứ ba. Da-du Đà-la là vị Phu nhân thứ nhất, vị Phu nhân thứ hai tên gọi Ma-nô Đà-la, Trung Hoa gọi là Ý Trì, vị này ở trong cung Phật chỉ nghe tên gọi chứ không thấy hình dáng. Minh Nữ này biểu thị cho hạnh Từ Bi đến cuối cùng, tiến vào pháp môn Phân Biệt Quán Sát Nhất Thiết Bồ-tát Tam-muội Hải. Trong văn có ba nghĩa giống như trước: Một là khuyến khích chỉ dạy; hai là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba là chính thức

tiến vào pháp giới.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba nghĩa giống như trước, có thể biết.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có tám: Một, già từ rút lui. Hai, nghĩ đến pháp môn trước đây tăng lên. Ba, hướng về. Bốn, từ “Chí Bồ-tát hội đường...” trở xuống là trình bày về nơi đến, tức là phần tổng tập về Địa. Năm, từ “Nhĩ thời bỉ Thiên...” trở xuống là hiển bày hành phương tiện thù thắng hạn định phần vị tự nhiên, tức là hành quyền thuộc thù thắng. Sáu, từ “Nhĩ thời ly ưu hoại...” trở xuống là làm sáng tỏ về hành ấy đầy đủ tiến vào cảnh giới thù thắng, tức là phần Tam-muội. Bảy, cung kính lễ lạy lắng nghe. Tám, tự nói về phát tâm thừa hỏi.

Trong phần năm là đầy đủ hành phương tiện thù thắng, văn có sáu:

Một, quy tụ hành quyền thuộc.

Hai, từ “Bạch ngôn...” trở xuống là ca ngợi Thiện Tài đầy đủ hành Tự-tha trong Tự phần.

Ba, từ “Ngã quán Nhân giả...” trở xuống là ca ngợi Thiện Tài đầy đủ hành Tự lợi-Lợi tha trong hành thuộc phần thù thắng.

Bốn, từ “Phục ngã quán nhân giả...” trở xuống gồm chung pháp ba đời trong thắng tiến, văn này có ba có thể biết.

Năm, từ “Thiện Tài đáp...” trở xuống là thuật về Phật sự và Lợi tha như nhau, có hai: Đầu là tổng quát, tiếp là riêng biệt hiển bày. Văn này có ba: 1) Duyên với hai cảnh trái-thuận để điều tâm, văn này có bốn: Một là pháp, hai là dụ, ba là hợp, bốn là mở rộng về thành tựu; văn này có ba. 2) Từ “Nhược Bồ-tát như thị hành giả...” trở xuống là thuật về thành tựu nghiệp dụng. 3) Từ “Thiên thần...” trở xuống là kết luận.

Sáu, từ “Thiện Tài tương thăng pháp đường...” trở xuống là trình bày về một hành tất cả hành cùng hiện bày rõ ràng về tướng thù thắng vi diệu, văn này có ba: 1) Sắp bước lên tức là hướng về phần vị chính thức; 2) Từ “Bỉ ly ưu đẳng...” trở xuống là hiển bày về nghĩa huân tập giúp đỡ; 3) Kệ tụng hiển bày Thiện Tài chịu khó tìm cầu là nêu ra nghĩa thành Phật. Nguyên cơ đi đến nơi vị Trời, là bởi vì từ đây về sau phần vị Tri thức thù thắng hơn, biểu thị thành tựu nhờ vào nhiều phương tiện. Kệ có hai: Một là sinh khởi, hai là kệ tụng. Văn tụng có mười kệ phân ba: Ba kệ đầu là hành Tự lợi, sáu kệ tiếp là hành Lợi tha, một kệ sau cuối ca ngợi người chủ động gần gũi Thiện hữu được gặp chư Phật.

Trong phần sáu là tiến vào cảnh giới thù thắng, có bốn: Một, tổng

quát phân rõ về cảnh giới thù thắng, có hai có thể biết. Hai, tìm kiếm. Ba, thấy tướng thù thắng. Bốn, từ “Tất ư...” trở xuống là trình bày về đức hạnh thanh tịnh.

Trong phần ba từ “Nhĩ thời Cù-di tác thị ngôn...” trở xuống là chính thức tiến vào pháp giới, có ba: Một là ca ngợi người chủ động thưa hỏi và đồng ý giảng nói; hai từ “Nhược Bồ-tát...” trở xuống là pháp môn của Tự phần; ba từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng. Văn phần một có ba có thể biết.

Trong Tự phần có năm: a) Đưa ra nghiệp tự tại tu quán phương tiện. b) Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là trình bày về Thể thuộc tên gọi của pháp môn. c) Từ “Thử pháp môn...” trở xuống là phân rõ Đại Dụng của pháp môn. d) Từ “Đại Thánh phát tâm...” trở xuống là trình bày về nhân duyên phát tâm xa gần. e) Từ “Duy ngã đẳng...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của mình.

Văn phần a là nghiệp tự tại tu quán phương tiện, có ba: a1) Trình bày về hành của mười pháp giới, có năm câu. a2) Từ “Phật tử thập trực tri thức trung nhược chư Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về mười lần gặp Tri thức thực hành phương tiện, có sáu câu. a3) Dùng kệ tụng có hai: Một là trường hàng sinh khởi, hai là kệ tụng. Trong kệ tụng có mười ba kệ: Hai kệ đầu tụng về một câu trước, bảy kệ tiếp tụng về bảy câu ở giữa, bốn kệ sau tụng về hai câu sau. Lại cũng có thể hợp chung ca ngợi về pháp phương tiện của người trước đây.

Văn phần c là Đại Dụng, có hai: c1) Hỏi; c2) Đáp. Đáp có bốn: Một là trình bày về Dụng của cõi này; hai từ “Như thử Ta-bà...” trở xuống là phủ khắp mười thế giới ở mười phương; ba từ “Lô-xá-na bốn nguyện...” trở xuống là trình bày ý của Giáo trước vốn có nhân khác nhau; bốn từ “Ngã tất thâm nhập...” cho đến “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về nguyên cơ nhận biết rộng rãi, phần này có bốn câu có thể biết.

Văn phần một có hai Dụng: Một, biết về nhân quả hữu lậu; hai, từ “Bỉ chư kiếp...” trở xuống là biết về nhân quả vô lậu, có ba: Một là biết về Phật, hai là biết về Tiểu thừa, ba là biết về Đại thừa.

Trong phần d là nhân duyên phát tâm đạt được pháp: d1) Hỏi; d2) Đáp. Trong đáp có sáu: Một là phân rõ về thân vốn có và pháp môn mới đạt được; hai là sau khi Đức Phật ấy diệt độ chuyển sang đạt được pháp môn thù thắng, có ba có thể biết; ba từ “Phật tử ngã đắc thử...” trở xuống là phân rõ về phạm vi tu tập; bốn từ “Phật tử ngã nhược...” trở xuống là trình bày về chủ ý tu hành, trong này có hai, đầu là phân

rõ, tiếp là giải thích về nguyên cơ có thể biết; năm từ “Ngã ư...” là tu thêm các hành; sáu từ “Do vị năng tri...” trở xuống là phân rõ về hành thêm sâu xa của các thân vốn có kia và mới đạt được. Văn có mười một đoạn:

1) Trình bày về thân vốn có cảm đến sự hóa độ dẫn dắt của Phật.

2) Từ “Thời bỉ nữ nhân văn thị...” trở xuống là hóa độ giống như chúng sinh cho nên hưởng về Thái tử cùng làm quyến thuộc.

3) Từ “Nhĩ thời Thái tử...” trở xuống là bởi vì phạm vào tà hạnh, cho nên hỏi người nữ ấy dựa vào Chánh pháp, có hai văn.

4) Từ “Thời bỉ nữ mẫu bạch ngôn...” trở xuống là ca ngợi đức khuyến khích tiếp nhận.

5) Từ “Thái tử đáp ngôn...” trở xuống là cùng với người ấy lập ra yêu cầu có ba, một là lập ra yêu cầu, hai là kệ tụng trình bày vốn có kỳ hạn, ba là người nữ thuận theo tiếp nhận.

6) Từ “Nhĩ thời Thái tử văn bỉ...” trở xuống là lấy áo để giúp cho, báo ân hiển bày đức.

7) Từ “Thời bỉ nữ mẫu tức vi...” trở xuống là khen ngợi người nữ tự mừng khởi lên tâm hành tùy hỷ.

8) Từ “Bỉ Thái tử dữ nữ câu...” trở xuống là thấy Đức Phật đạt được đạo.

9) Từ “Nghệ Phụ vương sở...” trở xuống là khuyến khích Phụ vương đến gặp Đức Phật, khiến cho Đại vương ấy thấy biết đối với Đức Phật đạt được Thánh đạo mà thôi. Văn này có năm: Một là đến nói cho nhà vua biết, hai là nhà vua hỏi rõ ràng, ba là nhà vua vui vẻ rời bỏ ngôi vị, bốn là Đức Phật nói pháp cho nghe, năm là nhà vua xuất gia đạt được đạo có thể biết.

10) Từ “Nhĩ thời Thái tử nguyệt thập ngũ nhật...” trở xuống là Thái tử làm vua mở rộng thành tựu nhiếp hóa.

11) Từ “Nhĩ thời Thái tử...” trở xuống là kết luận quy về xưa nay.

Trong phần sáu là hành thêm sâu xa, văn này có ba: Một là tổng quát phân rõ, hai là vặn hỏi, ba là đáp. Trong đáp có bốn: Một là thiết lập, hai là giải thích, ba là mở rộng phân rõ, bốn là kết luận về phạm vi. Văn phần ba là mở rộng, có ba: Một là thiết lập, hai là giải thích, ba là đáp. Văn đáp về hai phần là trí Chánh giác và chúng sinh thế gian.

Lại hỏi: Nếu chọn lấy các văn trên dưới, pháp hành Phổ Hiền tựa như từ phần vị Thập Tín giải trở đi thì đạt đến cuối cùng; nay dựa theo

văn này thì thế mạnh của hạnh Phổ Hiền tựa như khó thành tựu, phần vị đến Thập Địa mới bắt đầu có thể đạt được là thế nào?

Đáp: Thế của hạnh Phổ Hiền ấy thật sự không thể nào dựa vào phần vị mà đạt được. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì vốn là pháp dựa theo tánh khởi. Nay dựa theo phần vị khởi Tín của Tam thừa mà luận, từ phần vị Tín giải thứ nhất cho đến Thập Địa đều không phải là cuối cùng. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì chọn theo tướng của phần vị. Nhưng ở trong này niệm niệm sát-na đều phủ khắp các pháp. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì đạt được tánh khởi, Phật thì có thể biết.

Ma-da phu nhân, Trung Hoa gọi là Thanh Tịnh Diệu. Từ đây về sau là tướng hội tụ duyên tiến vào thật. Sở dĩ chọn Phu nhân, biểu thị đây là tánh thật có năng lực thành tựu Giác đến cuối cùng, bởi vì Tướng tức là Như thật, cho nên Trí-Bi không trú trong Đại hư huyền, tiến vào pháp môn Đại Nguyên Trí Huyền, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy; hai là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba là chính thức tiến vào pháp giới.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có bốn: Một là nêu rõ nơi chốn, hai là nêu rõ tên người chỉ dạy, ba là chỉ dạy hỏi han, bốn là Cù-di trùng tụng. Trong tụng có ba mươi ba kệ, mười tám kệ đầu trong trường hàng sót không có, Đại Luận dẫn ra ở đây có đủ, cũng có thể vượt qua tụng về sự việc trước chứ chưa hẳn là sót.

Văn này có ba: Một là một kệ tổng quát trình bày về thâm nhiếp người tu hành, hai là mười bảy kệ tiếp mở rộng thuật về nhân duyên tu hành qua nhiều kiếp, ba là mười lăm kệ còn lại tổng quát tụng về văn trên. Trong này ba kệ đầu tụng về phát tâm ở nơi Đức Phật Nhật Quang trên đây, bảy kệ tiếp tụng về gặp Đức Phật sau mà phát tâm trên đây, bốn kệ tiếp tổng quát tụng về đạt được pháp Tự-tha thù thắng của Bồ-tát trên đây, một kệ còn lại tổng quát tụng về tu hành thêm sâu xa trên đây.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có bảy: Một, già từ, lược bớt không có nghĩ đến pháp môn trước và nơi đã đến, không phải là cố ý có thể biết. Hai, từ “Tác thị niệm ngã đương vân hà...” trở xuống là trình bày về Thiện Tài nghĩ đến phương tiện sau này. Ba, từ “Thiện Tài tùy thuận kỳ giáo...” trở xuống là trình bày về thấy tướng của Y báo. Bốn, từ “Kiến Phu nhân...” trở xuống là thấy tướng của Chánh báo. Năm, từ “Kiến Ma-da hữu như thị...” trở xuống là Thiện Tài giống như vị ấy, tức là biểu thị cho hạnh tu tập tiến vào thật. Sáu, nghi thức cung kính. Bảy, thuật về nguyên nhân ban đầu và thưa hỏi về pháp môn.

Văn phần hai là phương tiện, có ba: Một là Thiện Tài nghĩ đến

mong cầu. Hai từ “Thời hữu thành...” trở xuống có ba vị Tri thức giảng giải khuyên bảo. Ba từ “Đáp La-sát ngôn...” trở xuống là trình bày về biểu hiện mong cầu pháp của Tri thức, phần này có hai: Đầu là nhận ân thừa hỏi, tiếp là đáp. Trong đáp có bốn câu: 1) Tin tưởng; 2) Suy nghĩ; 3) Tinh tiến; 4) Hiểu lý. Văn phần một có ba: Một là tổng quát; hai là ca ngợi thân đức của Ma-da; ba là kết luận, văn này có ba: Một, phân rõ về phạm vi; hai, tôn sùng ngưỡng mộ; ba, mong cầu phương tiện.

Phần hai có ba vị Tri thức, ý đó thế nào? Một là biểu thị về pháp đã nhận biết, hai là biểu thị về trí chủ động nhận biết, ba là biểu thị về tướng của phương tiện. Lại nữa, một là dựa theo tánh khởi phân rõ về nghĩa, hai là dựa theo trí phân rõ về giải thích, ba là dựa theo phương tiện phân rõ về giúp đỡ thành tựu, ý còn lại có thể biết.

Trong Tri thức thứ nhất, có bốn: Một là cúng dường Thiện Tài, tức là tướng phương tiện giúp đỡ thành tựu; hai từ “Tác như thị...” trở xuống là chỉ dạy phương pháp thực hành; ba từ “Bồ-tát nhược như thị tri...” trở xuống là kết luận về quán thành tựu lợi ích, có ba có thể biết; bốn từ “Phật tử...” trở xuống là trình bày về người đạt được pháp thì thấy tất cả Tri thức chân thật, hiển bày về pháp có thành tựu thích hợp gọi là khéo léo. Trong phần hai là chỉ dạy phương pháp thực hành có hai mươi bốn câu. Ma-da, Trung Hoa gọi là Huyền Hóa, trí phương tiện dạy dỗ quán sát chỉ do tâm, tức là Tri thức chính đáng, là đích thực chỉ do tâm huyền hóa không nghi ngờ gì, đây chính là dùng thật để hiển bày về tướng. Trong Tri thức thứ hai, có bốn: Một là Thiên thần ca ngợi Phu nhân; hai là ánh sáng soi chiếu Y báo-Chánh báo của chư Phật; ba là ánh sáng trí tuệ đi vào đỉnh đầu Thiện Tài; bốn là Thiện Tài được lợi ích. Trong Tri thức thứ ba, có ba: Một là La-sát rải hoa trên Thiện Tài; hai từ “Ngữ Thiện Tài...” trở xuống là chỉ dạy phương pháp thực hành, văn này có hai, đầu là thân cận, tiếp là nhìn thấy, hai văn này đều có bốn, văn có thể biết; ba từ “Nhược hữu Bồ-tát...” trở xuống là kết luận. Chủ động gần gũi Tri thức, tám câu trước trong mười pháp có thể biết, “Thiện đối trị...” trở xuống là câu thứ chín, “Thuận Thiện tri thức...” trở xuống là câu thứ mười.

Văn phần ba là thấy tướng của Y báo, có bốn: Một là trông thấy đài hoa, hai là trông thấy lầu quán, ba là trông thấy tòa báu, bốn là trình bày về hành tướng quyến thuộc.

Văn phần bốn là thấy tướng của Chánh báo, có ba: Một là thấy Thể của thân, hai từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” cho đến “Tùy ứng chúng sinh...” trở xuống là phân rõ về tác dụng của giáo hóa, ba từ “Thiện Tài

kiến như thị...” trở xuống là mở rộng phân rõ về tướng lợi ích của thấy. Văn phần một có bốn: Một là hiện bày sắc tướng làm lợi ích, hai là thuận theo pháp thành tựu tướng tự, ba là tướng thật sự nói về Không, bốn là hơn hẳn Nhị thừa cho nên hiện bày sắc tướng. Văn phần một gồm có năm mươi câu có thể biết.

Văn phần năm là Thiện Tài thực hành tu tập tiến vào thật, có năm: Một là thấy Phu nhân nhắc lại thân tướng đã trông thấy trước đây; hai từ “Tức biến...” trở xuống là đích thực giống nhau, đây chính là tướng hội tụ tiến vào thật; ba từ “Kính lễ...” trở xuống là tương ứng với phần thù thắng; bốn là được lợi ích đạt được Định tức là Thể của hành; năm là từ Tam-muội đứng lên.

Ba từ “Đáp ngôn...” trở xuống là chính thức tiến vào pháp giới, trong văn có hai: Một là nói về pháp môn của Tự phần, hai từ “Chư Đại...” trở xuống tôn sùng ngưỡng mộ.

Trong Tự phần có bốn: Một, phân rõ về tên gọi của pháp môn; hai, từ “Đắc thử pháp môn...” trở xuống là phân rõ về Dụng của pháp môn; ba, từ “Bạch ngôn...” trở xuống là trình bày về nhân duyên xa gần của pháp môn; bốn, từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận.

Trong phần hai là Dụng của pháp môn, có ba:

Một, văn hạn chế phân ra có bốn:

1) Đạt được pháp môn Đại Huyền, lúc sinh Thái tử có thể hiện bày thần lực không nghĩ bàn, có hai câu.

2) Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là lúc Bồ-tát sinh ra có ánh sáng tiếp xúc, đạt được pháp môn Thọ Sinh tự tại, có bốn: Một là ánh sáng tiếp xúc, hai là được thọ sinh trang nghiêm, ba là thấy sự việc trong hiện tại và vị lai, bốn là thấy sự việc trong quá khứ.

3) Từ “Hựu thiện nam tử...” trở xuống là trình bày về dung nạp tự tại, có bảy: Một là ánh sáng tiếp xúc, hai là thân thư thái có hai có thể biết, ba là dung nạp Y báo, bốn là tiếp nhận các hành của Bồ-tát, năm là tiếp nhận đời sống khác, sáu là tiếp nhận phần vị Bồ-tát, bảy là tiếp nhận tác dụng.

4) Từ “Niệm niệm trung...” trở xuống là trình bày về tác dụng giáo hóa dung nạp tự tại.

Hai, từ “Ư thử...” trở xuống là nối thông mười phương, có năm: 1) Trình bày về phần lượng; 2) Trừ bỏ nghi ngờ; 3) Trừ bỏ tất cả nghi ngờ; 4) Vặn hỏi; 5) Đáp có thể biết.

Ba, từ “Thiện nam tử ngã vi Lô-xá-na...” trở xuống là làm mẹ cho một ngàn vị Phật... Văn này có hai: Đầu là phân rõ, tiếp là kết luận.

Trong phần ba là đạt được pháp xa gần, có ba: 1) Hỏi; 2) Đáp. Văn này có ba: Một là thân vốn có đạt được lợi ích, có hai là giải thích và kết luận; hai từ “Bỉ đạo tràng thân...” trở xuống là kết luận quy về xưa nay; ba từ “Thiện nam tử ngã tùng...” trở xuống là mở rộng trình bày về tu tập đức dụng của pháp môn. 3) Từ “Phục thứ thiện nam tử...” trở xuống là đưa ra mở rộng để hiển bày về tóm lược.

Phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ, có ba có thể biết.

Từ “Thử thế giới Đạo-lợi Thiên thượng...” trở xuống là trình bày về tướng thứ ba thân nhiếp đức thành tựu nhân, bởi vì Di-lặc vốn là nhân. Người tên gọi Di-lặc, tiến vào pháp môn Tam Thế Trí Chánh Niệm Tư Duy Trang Nghiêm, có ba: Một là chỉ dạy khuyến khích tiến vào thù thắng; hai từ “Nhĩ thời Thiện Tài văn như thị đẳng tán...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Nhĩ thời Di-lặc quán sát Đại chúng...” trở xuống là chứng pháp giới.

Văn phần một là chỉ dạy khuyến khích, có năm: Một là nêu rõ Tri thức phương tiện, hai từ “Hựu tác thị ngôn...” là nêu rõ trú xứ đích thực của Tri thức, ba từ “Bỉ viên trung hữu Bồ-tát...” trở xuống là phân rõ danh đức của Tri thức, bốn từ “Nhữ nghệ...” trở xuống là chỉ dạy thưa hỏi, năm từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là ca ngợi đức để khuyến khích mong cầu.

Văn phần một có hai: Một, nêu rõ Trời để biểu thị về thanh tịnh, Nữ để biểu thị về trí bên trong, Từ Bi hiển bày về thân của pháp vi diệu, văn này có ba có thể biết; hai, trình bày về hai Đồng tử đều biểu thị về thấy công dụng của giáo hóa, tu tập thành tựu phương tiện, giúp đỡ trở thành nơi nương tựa, tức là dựa vào phước tuệ. Cũng có thể Ma-da trước đây là nêu rõ dùng thật thuận theo thật, Đồng tử ở đây đều dùng tướng thuận theo tướng.

Có nơi nói trong này không theo thứ tự, ý này chưa rõ. Tạm thời đưa ra cách giải thích này: “Hựu tác thị ngôn” là Ma-da nói, dựa vào điều này tức là dùng Lý thành tựu Sự không hư dối.

Hỏi: Nếu như vậy thì Chánh niệm mà vị Trời và người nữ trước đây nương vào sao nói là thân Trí của pháp vi diệu?

Đáp: Chánh niệm tức là Thế tướng thành tựu, ở đây nương theo Thế thành tựu tướng mà thôi.

Văn phần hai là nêu rõ trú xứ Y báo, có bốn: Một, nêu rõ phương hướng; hai, nêu rõ cõi nước; ba, nêu rõ vườn rừng; bốn, nêu rõ lầu quán đều là nhân. Sở dĩ nói Nam là sự, bởi vì nhân vị thuận theo Chánh quả.

Trong phần ba là nêu rõ tên gọi của Tri thức, có hai: Một, tên gọi; hai, phân rõ về đức.

Trong phần bốn là chỉ dạy thuta hỏi có mười câu: Năm câu đầu hỏi về tướng tu phương tiện, năm câu sau hỏi về tướng đích thực tu hành.

Phần năm là ca ngợi đức chủ động giảng giải của Di-lặc, có hai: Một, ca ngợi về đức chủ động giảng giải; hai, từ “Nhữ bất ưng ư...” trở xuống là mở rộng ca ngợi khuyến khích mong cầu.

Văn phần một có hai mươi câu phân hai, đó là hai phần hỏi-đáp có thể biết. Trong đáp: 1) Đức tự thành tựu của Tri thức; 2) Bồ-tát ấy có năng lực thành tựu về hạnh thù thắng của Thiện Tài.

Trong phần hai là mở rộng khuyến khích mong cầu, có năm:

1) Một trăm lẻ bảy câu khuyến khích tu các hạnh về tướng. Văn phần một này có ba: Một là mười câu đầu tổng quát khuyến khích chỉ dạy, hai từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu tướng cầu pháp, ba từ “Thiện nam tử lược thuyết...” trở xuống là chín câu kết thúc tóm lược hiển bày mở rộng. Đầu tiên giải thích trong phần khuyến khích tu các tướng, có hai: Đầu là giải thích, sau là kết luận. Đầu là văn giải thích có ba: Một, bốn mươi hai câu về hành Tự lợi có ba: Một là khuyến khích, hai là vấn hỏi, ba là mở rộng phân rõ. Hai, từ “Chiếu vô lượng pháp...” trở xuống là hành Lợi tha. Ba, từ “Nghệ chư Phật sát...” trở xuống là bốn mươi một câu về hành thuộc phần thù thắng.

2) Từ “Thị cố thiện nam tử...” trở xuống là chính thức khuyến khích mong cầu Tri thức.

3) Từ “Phục thứ...” cho đến “Tắc vi Từ mẫu...” trở xuống là dẫn ra mười dụ để ca ngợi Tri thức, có hai phần giải thích và kết luận.

4) Từ “Phát đại địa tâm...” trở xuống là phân rõ về lợi ích cầu Tri thức, văn này có hai: Một, trình bày về nghi thức chuyển giao và tiếp nhận thuốc pháp; hai, phân rõ về tướng của thuốc và bệnh dựa theo pháp, văn này có ba có thể biết.

5) Từ “Thiện nam tử nghệ Thiện tri thức...” là kết luận về hành thành tựu lợi ích, văn này có ba: Một, phân rõ về Tự phần. Hai, trình bày về thắng tiến có hai, đầu là vấn hỏi, tiếp là đáp có thể biết. Ba, từ “Thiện nam tử...” trở xuống là suy ra công đức thuộc về bạn mà thôi, văn này có ba: Một, tổng quát hiển bày về đức; hai, dùng tóm lược để hiển bày mở rộng; ba, thâm nhiếp đức thuộc về người.

Trong phần hai là chính thức khuyến khích mong cầu có bảy mươi bốn câu, có ba: Một là chính thức khuyến khích tiến lên, hai từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là bốn mươi câu phân rõ về thành tựu cần phải mong

cầu, ba từ “Phục hà dĩ cố...” trở xuống là phân rõ về ý Tri thức có năng lực.

Từ “Nhĩ thời Thiện Tài vấn như thị đẳng...” trở xuống là trong phần thứ hai theo sự chỉ dạy tiến vào, có tám: Một, nghe ca ngợi Tri thức tâm sinh tin tưởng. Hai, từ “Chánh niệm tư duy...” trở xuống là nghĩ đến pháp môn trước đây. Ba, từ từ tiến lên. Bốn, từ “Dĩ quá khứ tế...” trở xuống là bởi vì thấy cảnh thù thắng cho nên dấy khởi nhiều phương tiện. Năm, từ “Thiện Tài như thị...” trở xuống là đạt được Đại Tuệ nhãn nhìn cảnh giới của Đại pháp, không có văn già từ rút lui. Sáu, từ “Ngũ thể lễ kính...” trở xuống là thấy tướng của Y báo. Bảy, từ “Nhĩ thời Thiện Tài tán tán lầu quán...” trở xuống là thấy tướng của Chánh báo, đây tức là tướng của Chứng; dùng người thành tựu đức, đây tức là Chứng; dùng đức thành tựu người, đây là từ sau mà nói. Tám, từ “Đầu diện kính lễ bạch ngôn...” trở xuống là trình bày về lễ lạy cung kính thưa hỏi.

Văn thứ sáu có năm: Một là thấy lầu quán cung kính lễ lạy, hai từ “Tác như thị niệm...” trở xuống là đi sâu vào quán sát trú xứ của Hiền Thánh, ba từ “Vị khởi gian...” trở xuống là kính trọng pháp càng sâu sắc, bốn từ “Hiệp chưởng đế quán...” trở xuống là mở rộng ca ngợi về Y báo-Chánh báo; năm là dùng kệ tụng.

Văn phần hai có ba: Một, thấy tướng của cõi nước, tức là duyên cung kính đối với ân; hai, từ “Hựu phục...” trở xuống là phai mờ tướng tiến vào thật, tức là duyên với thật quán; ba, từ “Thâm tâm tín giải...” trở xuống là dùng thật để thành tựu tướng.

Trong phần năm là trùng tụng có năm mươi lăm kệ, có ba: Một, bảy kệ đầu tụng về lầu quán trú xứ trên đây; hai, có bốn mươi bốn kệ tụng về trú xứ của Hiền Thánh có đủ công đức ở phần thứ tư trên đây; ba, bốn kệ còn lại kết luận về đức ca ngợi đến cùng. Cũng có thể phân làm năm: Một, một kệ đầu ca ngợi Di-lặc; hai, có ba mươi bốn kệ nêu ra đức của người để ca ngợi lầu quán, phần này có ba mươi ba sự việc; ba, có mười tám kệ ca ngợi về lợi ích ở trong lầu quán; bốn, có một kệ cung kính đối với người ở trong lầu quán; năm, có một kệ thỉnh cầu thâm nhiếp truyền trao. Văn phần ba có hai: Một kệ đầu ca ngợi người ở trong lầu quán, mười bảy kệ tiếp chính thức phân rõ về lợi ích có mười một sự việc; trước đây trong trường hàng nêu ra lầu quán thành tựu người, kệ này ca ngợi người thành tựu lầu quán.

Trong văn thứ bảy là thấy tướng của Chánh báo, có năm: Một là dấy khởi phương tiện cầu mong được thấy Pháp thân, hai từ “Dao

kiến...” trở xuống là gần bên cạnh mà chưa tiếp xúc, ba từ “Dữ vô lượng Thiên Long...” trở xuống là phân rõ về quyền thuộc ở đó, bốn là từ bên ngoài mà đến hiển bày duyên quy tụ các hành, năm từ “Uy đức đặc tôn...” trở xuống là ca ngợi về đức.

Phần ba từ “Nhĩ thời Di-lặc quán sát Đại chúng...” trở xuống là phân rõ tiến vào pháp giới, vẫn có bốn: Một, mở rộng ca ngợi về công đức phát tâm. Hai, từ “Nhữ tiên sở vấn...” trở xuống là chính thức tiến vào tự Thể của pháp môn. Ba, từ “Đại Thánh thử hành...” trở xuống là phân rõ về tên gọi của pháp môn. Bốn, từ “Bạch ngôn...” trở xuống là tận cùng duyên hiển bày thật.

Văn phần một có năm: 1) Ca ngợi người có đủ công đức; 2) Từ “Cáo Thiện Tài nhữ khả vãng nghệ...” trở xuống là hội tụ phần vị thuận theo thật; 3) Từ “Thiện Tài ngũ thể kính lễ...” trở xuống là thâm nhiếp công đức thù thắng ấy; 4) Trở lại chỉ ra cho Đại chúng biết, do Thiện Tài có đủ công đức cho nên nói kệ khen ngợi Thiện Tài; 5) Từ “Cáo Thiện Tài thiện tai...” trở xuống là dẫn dắt thưa hỏi ca ngợi về đức mà thôi.

Văn phần một có bảy: Một, nêu rõ Đại chúng tổng quát ca ngợi đức của Thiện Tài, có hai văn thưa hỏi và ca ngợi. Hai, từ “Thử Đồng tử...” trở xuống là ca ngợi về thành tựu pháp hiếm có, có bốn câu. Ba, từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là phân rõ về thành tựu. Bốn, từ “Chư thiện nam tử...” trở xuống là mở rộng ca ngợi khuyến khích học theo, có bốn: Một là phát tâm, hai là có năng lực tiến lên, ba là tu hành, bốn là khuyến khích học theo. Năm, từ “Thử Đồng tử...” trở xuống là trở lại nói về thành tựu đức dụng. Sáu, từ “Thiện Tài nhữ kim...” trở xuống là mở rộng ca ngợi về lợi ích gặp được thiện hữu, có sáu: Một là tổng quát tất cả kiến chấp về pháp (pháp kiến), hai là mở rộng ca ngợi về lực của Văn Thù, ba là hành thành tựu về Chứng, bốn là ca ngợi về lực tăng thượng của hành, năm là khuyến khích học theo, sáu là chỉ bảo cho biết về sự hư hoại có hai câu. Bảy, từ “Thiện Tài đương tri...” trở xuống là khuyến khích nhận biết về phạm vi của hành, có ba câu. Tương còn lại có thể biết mà thôi.

Khu thành Tần-đà-già-la là thành Giác. Trải qua một trăm mười vị Tri thức là gồm chung Chánh-Trợ, bốn mươi hai vị trên đây đều dựa vào phần vị mà đưa ra. Ca ngợi Thiện Tài rằng: Vô lượng Bồ-tát tu tập qua nhiều kiếp, Thiện Tài một đời đạt được, là đạt được trong giáo pháp. Vì vậy phẩm Ly Thế Gian nói vốn là đối với văn tự giáo pháp... Đây là giải thích dựa theo giáo của Tam thừa. Nếu dựa theo Nhất thừa,

thì cũng có thể Chứng hành của Phổ Hiền, Chứng hành rộng khắp và hành riêng biệt kia. Ở đây thì không phải là đạt được giáo, cũng có thể là đạt được quả trước-gia hộ sau.

Hỏi: Vì sao ở đây mở rộng ca ngợi về công đức và phát tâm...?

Đáp: Bởi vì đây là nơi cuối cùng của phần vị đầy đủ công hạnh, còn lại dựa theo có thể biết mà thôi.

Văn phần hai là hội tụ phần vị thuận theo thật, có sáu: Một, chỉ dạy thưa hỏi. Hai, khóc lóc buồn bã hiển bày về phần vị khó thành tựu, do đó phân rõ trong các vị Tri thức có nhiều người khóc lóc buồn bã, chỉ là trong các phần vị càng thắng tiến càng sâu xa, ngày nay được đội ân, khó xa rời lưu luyến ngưỡng mộ mà đau buồn vậ thôi. Ba, Văn Thù trao cho chuỗi Anh-lạc, tức là biểu thị cho đức của phần vị được trang nghiêm bằng phước trí. Bốn, Thiện Tài có được rồi rải ra cúng dường Di-lặc, đích thực phân rõ phước trí trang nghiêm hội tụ thành tựu phần vị ấy. Năm, Di-lặc xoa đầu khen ngợi là căn hành tương ứng. Sáu, Thiện Tài nói kệ ca ngợi, đây đều là biểu thị về ý có thể biết. Phần này có hai: Đầu là trường hàng, tiếp là kệ tụng.

Trong kệ: Một là một kệ đầu vui mừng được gặp Di-lặc; hai là một kệ tiếp nguyện được thấy Bốn sư Văn Thù; ba là trở lại thưa thỉnh Di-lặc, tức là nêu ra đức thành tựu phần vị, cũng tức là thâm nhiếp về đức thù thắng. Trong phần này có bốn: Một, cung kính lễ lạy; hai, tự nói về phát tâm thưa hỏi; ba, từ “Đại Thánh...” trở xuống là ca ngợi về đức; bốn, từ “Duy nguyện...” trở xuống là kết thúc thưa thỉnh.

Phần bốn là nói kệ khen ngợi Thiện Tài, văn có ba: Một, trường hàng tổng quát nêu rõ về người có năng lực phát tâm trong Đại chúng. Hai, kệ khen ngợi về đức của Thiện Tài. Ba, trường hàng kết thúc. Kệ có sáu mươi tám kệ, có bốn: Một là mười một kệ ca ngợi về người cố gắng đến; hai là mười tám kệ tiếp ca ngợi về đạt được hành Tự lợi; ba là hai mươi hai kệ tiếp ca ngợi về thành tựu đức Lợi tha; bốn là mười bảy kệ sau cùng ca ngợi về đức Tự-tha đầy đủ.

Phần năm là dẫn dắt thưa hỏi mở rộng ca ngợi về phát tâm, văn có bốn: Một, tổng quát ca ngợi. Hai, từ “Thiện nam tử nữ đắc thiện lợi...” trở xuống là ca ngợi về đức có thể gặp được Tri thức. Ba, từ “Hà dĩ cố...” trở xuống có hai trăm mười tám câu, mở rộng ca ngợi về tâm Bồ-đề khiến cho tu tập tiến vào. Bốn, từ “Thị cố...” trở xuống là kết luận.

Văn phần ba có hai: Một là một trăm mười lăm câu đầu ca ngợi tâm Bồ-đề có thể sinh ra vạn đức như đức của chư Phật; hai từ “Thí như tự tại được...” trở xuống là một trăm lẻ ba câu ca ngợi về khả năng

thành tựu Đại Dụng, đạt được Đại quả kia và không rời bỏ thế gian. Văn một có hai, đầu là phân rõ, tiếp là kết luận, kết luận có ba có thể biết. Văn hai có hai, đầu là giải thích, tiếp là kết luận, kết luận có ba có thể biết.

Văn phần hai là tự Thể của pháp môn, có ba: 1) Nhắc lại phương tiện trước đây thâm nhiếp tiến vào cảnh Hiện lượng về lâu quán, văn này có ba: Một, nhắc lại khuyến khích tiến vào; hai, sinh khởi mong muốn thù thắng; ba, hiển bày phương tiện có thể biết. 2) Từ “Thiện Tài tức nhập...” trở xuống là chính thức tiến vào Tam-muội. 3) Từ “Di-lặc nhiếp thân lực...” trở xuống là trình bày về xuất Định.

Văn phần hai là chính thức tiến vào Tam-muội, có ba: Một, tiến vào; hai, thấy Tịnh độ; ba, từ “Nhữ bất kiến...” trở xuống là nhận xét về sự thấy nghe hiểu biết.

Văn thứ hai là thấy Tịnh độ, có năm: Một là thấy tướng nghiêm trang, tức là cảnh xác thực. Hai từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là được lợi ích lễ lạy cung kính. Ba từ “Lễ dĩ...” trở xuống là hiện rõ ra thân mình, tức là pháp thích hợp với căn cơ, có hai có thể biết. Bốn từ “Hựu kiến...” trở xuống là hiện rõ ra tướng của pháp nhân quả, tức là pháp làm chỗ dựa của người tu hành, văn này có hai: Đầu là nhân, tiếp từ “Hoặc ư lâu quán...” trở xuống là hiện rõ ra pháp của quả mà thôi. Năm từ “Nhĩ thời Thiện Tài chư...” trở xuống là trình bày về sự hiện bày đặc biệt sai khác, tức là hiển bày một quả cùng làm sáng tỏ về nghi thức lập giáo, văn này có hai: Một, hiện rõ tám tướng của quả, có hai có thể biết; hai, trong những quả chuông hiện rõ ra những sự việc sai khác trong nhân. Trước đây thì đầu nhân-sau quả, tức là theo thứ tự tu hành; văn này đầu quả-sau nhân, phát sinh niềm tin thành tựu hiểu biết theo thứ tự mà thôi. Từ “Linh...” trở xuống có sáu: Một là chuông hiện rõ về pháp môn âm thanh, có hai có thể biết. Hai là gương hiện rõ về pháp môn hình tướng. Ba là cột trụ hiện rõ về pháp môn trí tuệ. Bốn là châu ngọc hiện rõ về pháp môn trang nghiêm. Năm là cây cối hiện rõ về pháp môn kiến lập. Sáu là nửa vầng trăng hiện rõ về pháp môn trú vào phần vị khởi hạnh.

Văn thứ ba là nhận xét về thấy nghe, có ba: Một là hỏi, hai là đáp, ba là ví dụ so sánh ca ngợi về thấy vô ngại. Văn ca ngợi có bảy: Một là dụ vượt ra ngoài cảnh hư vọng, hai là dụ trở lại quán pháp thù thắng, ba là dụ khéo nhận biết các tướng, bốn là dụ thời gian kéo dài gọi là ngắn ngủi, năm là dụ đức chân thật khéo hiện rõ, sáu là dụ cảnh hiện rõ tùy tâm, bảy là dụ quán pháp vô ngại. Phần này có ba dụ: Một là thấy sắc

vô ngại, hai là hiện sắc vô ngại, ba là tùy theo dấy khởi vô ngại.

Văn phần ba là xuất Định, có bốn: Một, Đại Thánh thâm nhiếp dụng trở về gốc; hai, lại dùng thân-khẩu gia hộ khiến cho xuất Định; ba, chính thức xuất Định; bốn, xuất Định rồi Di-lặc trở lại hỏi sự việc trong quán, xét kỹ về quán hư thật, có hai văn hỏi-đáp.

Thứ ba là đáp về Danh Thể của pháp môn, có ba: Một, chính thức phân rõ về Thể của Định, có hai văn hỏi-đáp; hai, từ “Nhất sinh Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về thâm nhiếp tất cả pháp môn; ba, từ “Đại Thánh thử chư kỳ đặc...” trở xuống là hỏi-đáp hiển bày về nơi chốn, để làm sáng tỏ về thật mà thôi. Trong đáp có hai: Một là tách ra hai pháp môn, hai là dùng hai dụ hiện rõ và hợp lại. Thứ nhất là dụ về Bồ-tát khởi sự thành tựu, thứ hai là dụ về bắt đầu học Bồ-tát nguyện thành.

Thứ tư phân rõ về Đại Dụng của pháp môn, tức gọi là tận cùng duyên hiển bày thật, có hai hỏi-đáp, tức là hai: Một là hỏi về nơi chốn xưa nay đã hưởng đến, hai từ “Bạch ngôn...” trở xuống là hỏi về nơi sinh.

Một là trong đáp thứ nhất, có ba: Một, nêu ra thật không có đến; hai, từ “Đản vị giáo hóa...” trở xuống là dựa theo duyên quy tụ có nơi; ba, từ “Nhữ sở vấn ngã...” trở xuống là bởi vì dẫn dắt chúng sinh cho nên hiện rõ phương hướng đã xuất hiện.

Hai là trong hỏi về nơi sinh, có hai: Một, phân rõ về Thể của nhân hạnh ở nơi sinh; hai, từ “Ngã ư thử Diêm-phù-đề...” trở xuống là trình bày về Hóa thân hiện đến nơi sinh. Văn phần một có năm: Một là phân rõ về nơi sinh, hai từ “Dĩ Bát-nhã vi mẫu...” trở xuống là mười chín câu riêng biệt trình bày về hành quyển thuộc, ba từ “Siêu phàm phu địa...” trở xuống là so sánh về hơn kém, bốn từ “Sinh như thị gia...” trở xuống là mười câu phân rõ về phần vị thù thắng, năm từ “Ngã tịnh Pháp thân...” trở xuống là mười câu phân rõ về Báo và Thể tương ứng, tức là Thể thù thắng. Trong phần hai là nơi sinh của Hóa thân, ba nơi tức là phân làm ba: Một là trong loài người, hai là trên cõi trời, ba là sinh xuống trong loài người, đều là Sinh thân cuối cùng.

Thứ tư là trí soi chiếu không có hai tướng, người tên gọi Văn Thù Sư Lợi, tiến vào pháp môn Phổ Kiến Thuận Tri Thức Giáo, cũng gọi là pháp môn Bồ-tát Tịch Tĩnh. Văn có ba: Một từ “Thiện nam tử nữ vãng Văn Thù...” trở xuống là phân rõ về khuyến khích thẳng tiến, hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo lời dạy chọn lựa tức là tiến vào, ba từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là chính thức tiến vào pháp giới.

Văn phần một có ba: Một, nêu rõ tên người; hai, nêu rõ chỉ dạy thưa hỏi; ba, từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là ca ngợi về đức. Trong này lược bớt không có nơi chốn, văn sau nói là đến nước Phổ Môn. Ca ngợi về đức có sáu: 1) Vắn hỏi; 2) Đáp tức là ca ngợi về đức; 3) Từ “Thiện nam tử...” trở xuống trở lại nêu rõ để khuyến khích; 4) Từ “Thị cố...” trở xuống là kết thúc khuyến khích; 5) Trở lại vắn hỏi; 6-Đáp.

Trong phần hai là theo lời dạy tiến vào: Một, cung kính lễ lạy; hai, già từ rút lui; ba, trải qua một trăm mười khu thành từ từ đến nơi; bốn, chọn lựa. Nước Phổ Môn là một nơi tạm thời giáo hóa của Văn Thù, cũng có thể là tất cả các pháp làm chỗ dựa cho Trí mà thôi.

Trong phần ba là chính thức tiến vào pháp giới, có hai: Một, trông thấy; hai, đạt được lợi ích. Sở dĩ không nói đến Thuyết pháp, là bởi vì Chứng không có ngôn thuyết. Sở dĩ trong này trông thấy khắp nơi (phổ kiến), là bởi vì biểu thị trông thấy Đại Trí soi chiếu khắp nơi không hai. Sở dĩ không nói trông thấy Văn Thù, là bởi vì hiển bày soi chiếu khắp nơi là xa tưởng thấy. Không trái với lời dạy, là bởi vì nhẫn nại thuận theo tất cả các Tri thức. Hai là tăng trưởng..., là chứng được lợi ích do mình, trong này có bốn: Một là thành tựu Lợi tha, hai từ “An trú...” trở xuống là thành tựu hành Tự lợi, ba từ “Nhập Phật thậm thâm...” trở xuống là tùy thuận phần thù thắng, bốn từ “Hiện nhập chư thú...” trở xuống là trình bày thành tựu đức Tự-tha tiến vào hạnh Phổ Hiền.

Dưới đây là thứ năm dựa vào tướng hiển bày nhân rộng lớn, người tên gọi Phổ Hiền, tiến vào pháp môn Thập Bát Hoại Trí Tuệ. Văn có ba: Một là Thiện Tài nghe tên gọi Phổ Hiền chỉ dạy khuyến khích thẳng tiến, hai từ “Nhất tâm dục kiến Phổ Hiền...” trở xuống là theo lời dạy tiến vào, ba từ “Thiện Tài tức kiến Phổ Hiền...” trở xuống là chính thức tiến vào pháp giới.

Văn phần một có hai: Một, nghe tên gọi Phổ Hiền tức là nêu rõ tên gọi; hai, từ “Hạnh nguyện...” trở xuống tức là ca ngợi về đức. Trong này không có nêu rõ nơi chốn-giã từ..., ý có thể biết mà thôi.

Nói về nghe tên gọi Phổ Hiền là nghe đến bốn Phổ trước đây: 1) Phần Văn Thù trong Giáo lượng vốn có hạnh Phổ Hiền; 2) Trong tiến vào đến nước Phổ Môn; 3) Trong hiện rõ về Chứng thấy được các Tri thức khắp nơi; 4) Chứng được Hậu trí tu hạnh Phổ Hiền. Do đó nói là nghe.

Ca ngợi về đức có mười một câu: Một câu đầu về hạnh nguyện của các Địa là tổng quát; tiếp từ “Cụ...” trở xuống là mười câu riêng biệt. Trong tổng quát: Đầu là hiển bày về nguyện vui với hành của Địa

tiền, tiếp là ca ngợi phần vị nương tựa của Địa thượng. Trong riêng biệt: Địa có đủ là thành tựu nhân hạnh của Địa. Pháp của Địa là mười pháp giới, vốn là Thể của Địa. Địa đạt được là thâm nhiếp chứng đắc do mình. Theo thứ tự là từng Địa một từ trước đến sau. Địa tu tập là bốn tu-năm tu... Trú là ngay Địa ấy tu đầy đủ. Cảnh giới của Địa là ba Tánh-ba Vô tánh, cũng có thể là phạm vi hạn chế, là cảnh sở duyên của Địa. Trì là cảnh duy trì tâm quán, cũng có thể là nhân duy trì quả. Cộng là Tín-Từ-Bi-Xả..., mười Hạnh đều gồm chung thành tựu các Địa. Chánh đạo là Trí căn bản.

Trong phần hai là theo lời dạy tiến vào, có hai: Một, một câu đầu là khởi lên hy vọng chính đáng; hai, từ “Hư không giới đẳng...” trở xuống là phân rõ tiến vào phương tiện. Văn này có hai: Một là Thiện Tài tổng quát nghĩ đến Pháp thân Tịnh độ; hai từ “Khởi thị tâm thời...” trở xuống tương lãnh ứng hiện. Văn này có ba: 1) Phân rõ về nhân duyên của thấy; 2) Từ “Tức kiến...” trở xuống là thấy tướng của Chánh báo; 3) Kết thúc phần trước sinh khởi phần sau. Văn về hiện tướng có hai: Một là mười tướng của Tịnh độ, hai là mười tướng của Pháp thân. Lại cũng có thể một là mười tướng hiển bày về quốc độ thanh tịnh và chúng sinh thế gian thanh tịnh, hai là mười tướng hiển bày về phạm vi của cảnh giới Nhân-đà-la vông thanh tịnh thành tựu trí Chánh giác, muốn trình bày về phạm vi của hạnh Phổ Hiền mà thôi.

Trong phần ba là chính thức tiến vào pháp giới, có năm: Một, trình bày về đức dụng nhiếp hóa của Phổ Hiền; hai, từ “Ngã ư quá khứ...” trở xuống là trở lại thuật về nhân vốn có của Phổ Hiền để khuyến khích tu tập thắng hạnh; ba, từ “Thiện Tài kinh do thân cận...” trở xuống là so sánh để hiển bày thù thắng; bốn, từ “Thiện Tài năng tự cứu cánh...” trở xuống là khen ngợi hạnh thù thắng của Thiện Tài; năm, nói kệ ca ngợi Phật kết thúc cuối cùng ở sau.

Văn phần một có bốn: 1) Tổng quát trông thấy các Như Lai thù thắng vi diệu...; 2) Từ “Thiện Tài kiến Phổ Hiền...” trở xuống là thấy dụng của hành về pháp giới; 3) Từ “Phổ Hiền tức thân thủ...” trở xuống là gia hộ khiến cho đạt được Tam-muội; 4) Từ “Phổ Hiền cáo...” trở xuống là hỏi kỹ càng về sự việc của Định, có ba: Một là hỏi, hai là đáp, ba là ca ngợi về đức. Văn phần một là các Như Lai thù thắng vi diệu có chín nghĩa..., cũng là mười.

Trong phần hai là thấy dụng của hành, có bốn: Một, trình bày về dụng giáo hóa bên ngoài. Hai, từ “Trùng quán Phổ Hiền...” trở xuống là dụng nhiếp hóa bên trong. Ba, từ “Thập phương...” trở xuống là

kết luận quy về bình đẳng có năm câu. Bốn, từ “Thiện Tài kiến Phổ Hiền...” trở xuống là trình bày về Thiện Tài đạt được lợi ích về mười Trí môn bất hoại. Văn phần một có hai: Một là giải thích về mười chín dụng của xuất sinh, hai là kết luận. Phần hai là nhiếp hóa bên trong, có hai: Một là giải thích, hai là kết luận. Phần bốn là Thiện Tài đạt được lợi ích, văn có hai: Một là tổng quát nhắc lại mười môn; hai là riêng biệt phân rõ.

Trong phần ba là xoa đánh gia hộ đạt được Tam-muội, có ba: Một, xoa đánh; hai, đạt được lợi ích; ba, từ “Như thử...” trở xuống là kết luận quy về. Trong hai phần xoa đánh-lợi ích có sáu có thể biết.

Trong phần hai là khuyến khích tu tập thắng hạnh vốn có, có bảy: 1) Do từ lâu tu tâm Bồ-đề cho nên đạt được đức dụng tự tại trên đây; 2) Từ “Ngã sở tu...” trở xuống là trình bày về đức khó tận cùng; 3) Từ “Ngã đắc như thị...” trở xuống là dẫn ra pháp mình đã đạt được để khuyến khích tu tập; 4) Từ “Nhữ thả quán...” trở xuống là khuyến khích quán sát sự việc hiện rõ, văn có ba câu có thể biết; 5) Từ “Nhược hữu chúng sinh văn ngã danh...” trở xuống là hiển bày về đức sâu rộng, có năm câu; 6) Từ “Văn tu tập...” trở xuống là trình bày về hành ứng với Đại tâm-Đại hạnh cùng được sinh, có hai câu; 7) Từ “Nhữ phục quán ngã...” trở xuống là khuyến khích quán về Đại Dụng của ba thân.

Trong phần 6 trước đây, sinh về thế giới thanh tịnh là sinh ở Báo độ, sinh trong thân thanh tịnh của Ngã là sinh trong Pháp thân mà thôi. Văn nói thân tướng của Phổ Hiền giống như hư không, là dựa vào Như Như chứ không dựa vào Phật quốc. Trong phần thứ 7 có hai: Một là khuyến khích, hai là quán sát, thấy đầy đủ nhân quả.

Trong phần ba là so sánh về đức của hành, có ba: 1) Chính thức trình bày về so sánh; 2) Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu, có ba có thể biết; 3) Từ “Bất thử thế giới một...” trở xuống là khen ngợi Thiện Tài tự tại khó nghĩ bàn để hiển bày về nghĩa thù thắng.

Phần bốn là khen ngợi hạnh thù thắng của Thiện Tài, văn có hai: 1) Nhân tròn vẹn; 2) Từ “Bất cửu...” trở xuống là quả đầy đủ. Trong quả, đầu là tổng, sau là biệt có thể biết.

Phần năm là kệ tụng ca ngợi Đức Phật. Sở dĩ ca ngợi Đức Phật, là trình bày về Bồ-tát Phổ Hiền ở trước chỗ ngồi được gia hộ nhiếp hóa, hạnh ấy đến cuối cùng thành tựu thì công đức thuộc về Đức Phật cho nên ca ngợi. Cũng có thể dựa theo quả để ca ngợi về lực của nhân vị, tức là thuật về trước đây. Trong kệ có hai: Đầu là trường hàng sinh khởi, tiếp là kệ tụng.

Kệ có chín mươi chín kệ rưỡi, có ba: Một là tám kệ đầu sơ lược nêu ra công đức của Như Lai và Bồ-tát khuyên nhủ lắng nghe nhận lời giảng nói, hai là tiếp tám mươi chín kệ rưỡi riêng biệt ca ngợi về tác dụng giáo hóa của ba thân Như Lai, ba là hai kệ sau cùng kết luận khuyến khích tu hành.

Văn phần một có ba: Một, nửa kệ đầu khuyên nhủ lắng nghe; hai, bốn kệ rưỡi tiếp là ca ngợi về đức của ba thân Như Lai; ba, có ba kệ ca ngợi về công đức của Phổ Hiền, đã giảng nói không hư dối khuyến khích chúng sinh phát khởi niềm tin. Trong bốn kệ rưỡi về ba thân trước: Một kệ rưỡi đầu là ca ngợi về Diệt đức của Pháp thân, tiếp một kệ là Trí đức của Báo thân, tiếp hai kệ là Ân đức của Hóa thân.

Trong phần hai mở rộng ca ngợi, có ba: Một, hai mươi kệ rưỡi đầu ca ngợi về đức của Báo thân; hai, từ “Hoặc kiến Thích-ca...” trở xuống là sáu mươi ba kệ ca ngợi về đức của Hóa thân; ba, từ “Như Lai tịnh Pháp thân...” trở xuống là sáu kệ ca ngợi về đức của Pháp thân.

Hỏi: Vì sao trở lại kết luận mới ca ngợi về đức của Đức Phật?

Đáp: Đây là biểu hiện mở rộng về giải thích, cho nên đưa ra quả để hiển bày phạm vi của nhân, còn lại có thể biết.

Trong Báo thân có năm: Một, ba kệ đầu ca ngợi về hai trí Lý-Lượng khéo léo; hai, từ “Hoặc kiến Như Lai tọa...” trở xuống là bốn kệ trình bày về đức phủ khắp chỉ riêng cảnh giới của Đại tâm chứ không phải là sở duyên của Tiểu trí; ba, từ “Hoặc kiến Lô-xá-na...” trở xuống là bảy kệ trình bày về đức của chư Phật đều có đủ Tịnh độ của Pháp thân và quyền thuộc thù thắng; bốn, từ “Hoặc kiến nhất mao khổng...” trở xuống là năm kệ rưỡi phân rõ về Đại Dụng không có phương hướng; năm, từ “Như thị...” trở xuống là một kệ kết luận nói khó hết.

Trong Hóa thân có ba: Một, hai mươi kệ rưỡi đầu ca ngợi về Đại Dụng thuộc thân nghiệp của Đức Phật; hai, từ “An trú Vô thượng đạo...” trở xuống là hai mươi hai kệ ca ngợi về giáo hóa thuộc khẩu nghiệp của Đức Phật; ba, từ “Chư Phật tôn đạo sư...” trở xuống là hai mươi kệ rưỡi ca ngợi về khéo léo thâm nhiếp lợi ích thuộc ý nghiệp của Đức Phật.

Trong phần một là thân nghiệp, có bốn: Một kệ đầu là thân của Thích-ca giáo hóa, bảy kệ tiếp là nêu rõ các loại nhân hạnh-tám tướng thành đạo giáo hóa, năm kệ tiếp là hiện rõ Đức Phật lên cõi trời... giáo hóa, bảy kệ rưỡi tiếp là có năng lực hiện rõ các loại tùy duyên lợi ích như thọ ký...

Trong phần hai là khẩu nghiệp, có ba: Năm kệ đầu là trình bày về pháp đã nói có uy lực to lớn, mười hai kệ tiếp là trình bày về cùng

một âm thanh tùy theo căn cơ mà cảm đến, năm kệ tiếp là phân rõ về nguyên cố thành tựu đức dụng. Trong mười hai kệ trước: Bốn kệ đầu trình bày về cùng một âm thanh mà tùy theo nghe đều khác nhau, tám kệ tiếp là kết luận về giáo sai biệt.

Trong phần ba là ý nghiệp, có hai: Mười hai kệ đầu ca ngợi về Dụng khéo léo, tiếp từ “Thí như...” trở xuống là tám kệ rưỡi dùng ví dụ để hiển bày. Ví dụ riêng biệt có năm: 1) Dụng về tùy lợi ích nên thành tựu; 2) Dụng về do vật mà tâm hiện rõ; 3) Dụng về tùy thuận cảnh tượng hiện rõ; 4) Dụng về vì chúng sinh mà hộ trì; 5) Dụng về vì vật mà sinh đức. Năm dụ này là mạng lưới to lớn của sự nhiếp hóa, vẫn còn lại có thể biết.

Trong sáu kệ về Pháp thân, có ba: Một kệ rưỡi đầu ca ngợi Pháp thân có đủ năm tướng, tiếp từ “Thí như mộng sở kiến...” trở xuống là hai kệ rưỡi cùng dựa theo dụ để hiển bày, hai kệ sau cùng là pháp-hợp. Văn dụ có hai: Đầu là một kệ rưỡi dựa theo lý để phân rõ về thành tựu, tiếp là một kệ dựa theo sự để làm sáng tỏ về pháp mà thôi.

Văn phần một về năm tướng: Một câu đầu là tướng sáng ngời, hai câu tiếp là tướng không thể nghĩ bàn, ba tánh lìa hữu vi-vô vi là tướng, câu thứ tư là tướng vô nhiễm, câu thứ sáu không đi mà đến khắp, tức thứ năm là tướng thường trú.

Trong phần ba là hai kệ sau cùng kết luận khuyến khích: Một là một kệ đưa ra bốn dụ để so sánh về đức khó cùng tận, bốn dụ: 1) Dụng về tâm Giác không có giới hạn; 2) Dụng về sự của pháp khó cùng tận; 3) Dụng về số lượng sâu rộng to lớn; 4) Dụng về hư không chẳng hề có ranh giới. Thông suốt thì có thể biết, trở lại thành tựu Phật đức sâu xa mà thôi. Hai, một kệ là nêu ra lợi ích để khuyến khích tu tập. Đây tức là phần Lưu Thông.

Kinh này vốn có mười vạn kệ, ở đây giải thích chỉ có ba vạn sáu ngàn kệ, nói về ý còn lại có thể biết mà thôi.

